

**DIEU PHAP LIEN HOA KINH Q 7.**

**TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION**

**<http://www.daitangvietnam.com>**

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn  
Hiển Trần Tiến Huyền phiên âm & lược  
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt  
10/2008 (4/2010 -2013).**



妙法蓮華經卷第七。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh quyển đệ thất.  
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ 7.**

後秦龜茲國三藏法師鳩摩羅什奉詔譯。

**Hậu Tần Quy Tư Quốc Tam tạng Pháp Sư  
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

**Hậu Tần Quy Tư Quốc Tam tạng Pháp Sư  
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

妙法蓮華經妙音菩薩品第二十四。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Diệu Âm Bồ Tát**

**Phẩm đệ nhị thập tứ.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 24  
Diệu Âm Bồ Tát.**

爾時釋迦牟尼佛放大人相，肉髻光明，  
及放眉間白毫相光，  
遍照東方百八萬億那由他恆河沙等諸佛世界。

**Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật phóng đại  
nhân tướng, nhục kế Quang minh, cập  
phóng mi gian bạch hào tướng quang,  
biển chiếu Đông phương bách bát vạn ức  
Na do tha Hằng hà sa đẳng chư Phật Thế  
giới.**

**Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật phóng ra  
tướng người lớn, Quang sáng búi tóc, cùng  
phóng tướng hào quang trắng từ giữa mi,  
chiếu sáng khắp trăm tám vạn trăm triệu  
Na do tha Hằng hà sa các Thế giới Phật ở  
phương Đông.**

過是數已，有世界名淨光莊嚴。其國有佛，  
號淨華宿王智如來。

**Quá thị số dĩ, hữu Thế giới danh Tịnh**

**Quang Trang Nghiêm. Kỳ Quốc hữu Phật, hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai.**

**Qua số đó rồi, có Thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm. Nước đó có Phật tên hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai.**

應供正遍知 明行足善逝世間解無上士調御丈夫  
天人師佛世尊。

**Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.**

**Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.**

為無量無邊 菩薩 大眾恭敬圍繞而為說法。

釋迦牟尼佛白毫光明遍照其國。

**Vi vô lượng vô biên Bồ tát Đại chúng cung kính vi nhiễu, nhi vị thuyết Pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bạch hào Quang minh biến chiếu kỳ Quốc.**

**Được vô lượng vô biên Bồ Tát Đại chúng**

**cung kính vây quanh, mà vì nói Pháp. Ánh sáng hào quang trắng của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu sáng khắp Nước đó.**

爾時一切淨光莊嚴國中，有一菩薩，名曰妙音，久已植眾德本，供養親近無量百千萬億諸佛，而悉成就甚深智慧。

**Nhĩ thời nhất thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm Quốc trung, hữu nhất Bồ Tát, danh viết Diệu Âm, cứu dĩ thực chúng Đức bản, cúng dưỡng thân cận vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật, nhi tất thành tựu thậm thâm Trí tuệ.**

**Thời đó trong tất cả Nước Tịnh Quang Trang Nghiêm, có một Bồ Tát, tên là Diệu Âm, từ lâu vốn đã trông đủ các Đức, thân thiết cúng dưỡng vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu Phật và thành công tất cả các Trí tuệ rất sâu.**

得妙幢相 三昧，法華三昧，淨德三昧。

**Đắc Diệu tràng tướng Tam muội, Pháp Hoa Tam muội, Tịnh Đức Tam muội.**

**Được Tam muội tướng cờ đẹp (thực tướng,**

không có tướng mà không phải không có tướng), Tam muội Pháp hoa (mở quyền dẫn thực, thực tướng), Tam muội Đức sạch (chân trí, khiết lý thanh tịnh không trở ngại).

宿王戲 三昧，無緣三昧，智印三昧。

Tú vương hí Tam muội, Vô duyên Tam muội, Trí ấn Tam muội.

Tam muội Tú vương hí (sáng tỏ Trí Thế gian và được Tự do), Tam muội không có duyên (Đại Bi tới giáo hóa chúng sinh), Tam muội dấu ấn Trí tuệ (Trí lớn, trên cầu Đạo Bình đẳng dưới độ thoát tất cả chúng sinh).

解一切眾生語言 三昧，集一切 功德 三昧，  
清淨三昧。

Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn Tam muội, Tập nhất thiết công Đức Tam muội, Thanh tịnh Tam muội.

Tam muội hiểu lời nói của tất cả chúng sinh (nghe xong, phân biệt hiểu được tất cả các lời nói), Tam muội tập hợp tất cả

**công Đức (lý sự cùng tu, không có trở ngại), Tam muội Thanh tịnh (hài hòa trạng thái, hồ dụng).**

神通遊戲 三昧 , 慧炬三昧, 莊嚴 王三昧 。

**Thần thông du hí Tam muội, Tuệ cự Tam muội, Trang nghiêm vương Tam muội.**

**Tam muội Thần thông đi lại (hiện các loại Thần biến vì độ thoát chúng sinh), Tam muội Trí tuệ chói sáng lớn (Trí tuệ sáng tỏ trừ mọi u tối), Tam muội trang nghiêm nhất (Phúc Tuệ song toàn).**

淨光明 三昧 , 淨藏三昧, 不共三昧 。

**Tịnh Quang minh Tam muội, Tịnh Tạng Tam muội, Bất cộng Tam muội.**

**Tam muội quang sáng sạch (bên ngoài Quang minh chói lợi), Tam muội tạng Thanh tịnh (nhiều Đức Thanh tịnh bên trong, hành không nhiễm ố), Tam muội không cùng (người có bảy Phương tiện cũng không có khả năng).**

日旋 三昧, 得如是等百千萬億恒河沙等諸大三昧 。

**Nhật Toàn Tam muội, đặc như thị đẳng**

**bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẵng chư Đại Tam muội.**

**Tam muội mặt Trời quay lại (Thực Trí sáng tỏ Lý mà không có dừng lại), được như thế cùng với trăm nghìn vạn trăm triệu Hằng hà sa các Tam muội lớn.**

釋迦牟尼佛光照其身，即白淨華宿王智佛言：  
**Thích Ca Mâu Ni Phật quang chiếu kỳ thân, tức bạch Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật ngôn :**

**Ánh quang của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu sáng thân người đó, tức thời báo cáo Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật nói rằng :**

世尊！我當往詣娑婆世界，禮拜親近，供養  
釋迦牟尼佛，及見文殊師利法王子菩薩。

**Thế Tôn ! Ngã đương vãng nghê Sa Bà Thế giới, lễ bái thân cận, cúng dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát.**

**Thế Tôn ! Con cần tới Sa Bà Thế giới, thân thiết lễ bái, cúng dưỡng Thích Ca Mâu Ni**



## **Phật và gặp Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát.**

藥王 菩薩 勇施菩薩

,宿王華菩薩,上行意菩薩莊嚴王 菩薩藥上菩薩。

**Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát.**

**Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát.**

爾時淨華宿王智佛告妙音

菩薩。汝莫輕彼國生下劣想。

**Nhĩ thời Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật cáo Diệu Âm Bồ Tát. Nhữ mạc khinh bỉ Quốc, sinh hạ liệt tưởng.**

**Lúc đó Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo Diệu Âm Bồ Tát. Ngài không được coi thường Nước đó, sinh ý tưởng xấu.**

善男子！彼 娑婆世界，高下不平，土石諸山，

穢惡充滿，佛身 卑小，諸 菩薩 眾，其形亦小。



**Thiện nam tử ! Bỉ Sa Bà Thế giới, cao hạ bất bình, thổ thạch chư sơn, uế ác sung mãn, Phật thân ti tiểu, chư Bồ Tát chúng, kỳ hình diệc tiểu.**

**Người nam thiện ! Sa Bà Thế giới đó cao thấp không bằng phẳng, các núi đất núi đá, bản ác lan tràn, thân Phật nhỏ bé, các chúng Bồ Tát, thân họ cũng nhỏ.**

而汝身四萬二千由旬，我身六百八十萬由旬，  
汝身第一端正，百千萬福，光明殊妙，

**Nhi Nhữ thân tứ vạn nhị thiên Do tuần,  
Ngã thân lục bách bát thập vạn Do tuần,  
Nhữ thân đệ nhất đoan chính, bách thiên vạn phúc, Quang minh thù diệu.**

**Mà thân Ngài bốn vạn hai nghìn Do tuần (khoảng 840 nghìn km), thân Ta sáu trăm tám mươi vạn Do tuần (khoảng 136 triệu km), thân Ngài đoan chính số một, trăm nghìn vạn Phúc, Quang sáng rất đẹp.**

是故汝往，莫輕彼國，若佛菩薩及國土  
生下劣想。妙音菩薩白其佛言：

**Thị cố Nhữ vãng, mạc khinh bỉ Quốc,**

nhược Phật Bồ Tát cập Quốc thổ sinh hạ liệt tướng. Diệu Âm Bồ Tát bạch kỳ Phật ngôn :

Vì thế Ngài tới, không được coi thường Nước đó, hoặc sinh ý tưởng xấu về Phật Bồ Tát và Đất nước. Diệu Âm Bồ Tát báo cáo Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật nói rằng :

世尊！我今詣娑婆世界，皆是如來之力，如來神通遊戲，如來功德智慧莊嚴。

Thế Tôn ! Ngã kim nghệ Sa Bà Thế giới, giai thị Như Lai chi lực, Như Lai Thần thông du hí, Như Lai công Đức Trí tuệ trang nghiêm.

Thế Tôn ! Con nay tới Sa Bà Thế giới, đều là lực của Như Lai, Thần thông đi lại của Như Lai, công Đức Trí tuệ trang nghiêm của Như Lai.

於是妙音菩薩，不起於座，身不動搖，而入三昧。以三昧力，於耆闍崛山，去法座不遠。

Ư thị Diệu Âm Bồ Tát, bất khởi ư tòa, thân bất động dao, nhi nhập Tam muội. Dĩ Tam muội lực, ư Kỳ đô quật sơn, khứ Pháp tòa

**bát viên.**

**Khi đó Diệu Âm Bồ Tát, không rời khỏi chỗ ngồi, thân không lay động, mà nhập vào Tam muội. Dùng lực Tam muội, ở núi Kỳ đô quật, đến tòa Pháp không xa.**

化作八萬四千眾寶蓮華，閻浮檀金

爲莖，白銀爲葉，金剛爲鬚，甄叔迦寶以爲其臺。

**Hóa tác bát vạn tứ thiên chúng bảo Liên hoa, Diêm phù đàn kim vi hành, bạch ngân vi diệp, Kim cương vi tu, chân thúc ca bảo dĩ vi kỳ đài.**

**Hóa làm thành tám vạn bốn nghìn các hoa Sen báu, vàng Diêm phù đàn là thân, bạc trắng là lá, Kim cương là tua, châu đỏ là đài sen.**

爾時文殊師利法王子，見是蓮華，而白佛言：世尊！是何因緣先現此瑞？

**Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, kiến thị Liên hoa, nhi bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Thị hà Nhân duyên, tiên hiện thử thụy ?**

**Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử,**

**thấy hoa Sen đó, mà báo cáo Phật nói  
rằng : Thế Tôn ! Là Nhân duyên gì, trước  
tiên hiện ra điềm này ?**

有若干千萬 蓮華, 閻浮檀金

爲莖, 白銀爲葉, 金剛爲鬚, 甄叔迦寶以爲其臺。

**Hữu nhược can thiên vạn Liên hoa, Diêm  
phù đàn kim vi hành, bạch ngân vi diệp,  
Kim cương vi tu, chân thúc ca bảo dĩ vi kỳ  
đài.**

**Có bao nhiêu nghìn vạn hoa Sen, vàng  
Diêm phù đàn là thân, bạc trắng là lá, Kim  
cương là tua, châu đỏ dùng làm đài của  
nó.**

爾時 釋迦牟尼佛 告文殊師利。是妙音 菩薩  
摩訶薩, 欲從淨華宿王智 佛國,

**Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn  
Thù Sư Lợi. Thị Diệu Âm Bồ Tát Ma ha tát,  
dục tòng Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật  
Quốc.**

**Khi đó Thích Ca Mâu Ni Phật báo Văn Thù  
Sư Lợi. Diệu Âm Bồ Tát Bồ Tát lớn, muốn  
từ nước Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật.**

與八萬四千 菩薩圍繞，而來至此 娑婆世界，  
供養親近禮拜於我，亦欲供養聽 法華經。

**Dữ bát vạn tứ thiên BỒ Tát vi nhiều, nhi lai chí thử Sa Bà Thế giới, cúng dưỡng thân cận, lễ bái ư Ngã, diệc dục cúng dưỡng thính Pháp Hoa Kinh.**

**Cùng với tám vạn bốn nghìn BỒ Tát vây quanh, mà tới Sa Bà Thế giới này, thân thiết cúng dưỡng, lễ bái với Ta, cũng muốn cúng dưỡng nghe Kinh Pháp Hoa.**

文殊師利白佛言：世尊！是菩薩種何善本，修何功德，而能有是大神通力？行何三昧？

**Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn：Thế Tôn ! Thị BỒ Tát chúng hà thiện bản, tu hà công Đức, nhi năng hữu thị đại Thần thông Lực ? Hành hà Tam muội ?**

**Văn Thù Sư Lợi báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! BỒ Tát đó trước kia trồng Căn thiện gì, tu công Đức nào, mà hay có lực Thần thông lớn đó ? Hành Tam muội gì ?**

願為我等說是 三昧名字，我等亦欲勤修行之，  
行此三昧，乃能見是 菩薩 色相大小，威儀進止。

**Nguyện vì Ngã đẳng thuyết thị Tam muội danh tự, Ngã đẳng diệc dục cần tu hành chi, hành thử Tam muội, nãi năng kiến thị Bồ Tát Sắc tướng đại tiểu, uy nghi tiến chỉ.**

**Nguyện vì chúng con nói tên chữ Tam muội đó, chúng con cũng muốn siêng tu hành nó, hành Tam muội này, lại có thể thấy Sắc tướng của Bồ Tát đó bao nhiêu, uy nghi tiến dùng.**

唯願世尊，以神通力，彼菩薩來，令我得見。爾時釋迦牟尼佛告文殊師利。

**Duy nguyện Thế Tôn dĩ Thần thông Lực, bử Bồ Tát lai, linh Ngã đắc kiến. Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi.**

**Chỉ nguyện Thế Tôn dùng lực Thần thông, Bồ Tát đó tới, giúp cho Con được thấy. Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Văn Thù Sư Lợi.**

此久滅度多寶如來，當爲汝等而現其相。時多寶佛告彼菩薩。

**Thử cứu diệt độ Đa Bảo Như Lai, đương vị  
Nhữ đẳng nhi hiện kỳ tướng. Thời Đa Bảo  
Phật cáo bỉ BỒ Tát.**

**Đa Bảo Như Lai tạ thế lâu này, đang vì các  
Ngài mà hiện ra cảnh đó. Thời Đa Bảo  
Phật bảo BỒ Tát đó.**

善男子! 來! 文殊師利 法王子  
欲見汝身。於時妙音菩薩於彼國沒,  
與八萬四千菩薩。

**Thiện nam tử ! Lai ! Văn Thù Sư Lợi Pháp  
Vương Tử dục kiến Nhữ thân. Ư thời Diệu  
Âm BỒ Tát ư bỉ Quốc một, dữ bát vạn tứ  
thiên BỒ Tát.**

**Người nam thiện ! Tôi ! Văn Thù Sư Lợi  
Pháp Vương Tử muốn nhìn thấy thân Ngài.  
Khi đó Diệu Âm BỒ Tát ẩn mất ở Nước đó,  
cùng với tám vạn bốn nghìn BỒ Tát.**

俱共發來, 所經諸國, 六種震動, 皆悉雨於 七寶  
蓮華, 百千 天樂 不鼓自鳴。

**Câu cộng phát lai, sở kinh chư Quốc, lục  
chủng chấn động, giai tất vũ thất bảo Liên  
hoa, bách thiên Thiên nhạc bất cổ tự**



**minh.**

**Đều cùng bắt đầu tối, trải qua các Nước, sáu loại chấn động, đều cùng rải hoa Sen bảy báu, trăm nghìn nhạc Trời không đánh tự kêu.**

是菩薩目如廣大青蓮華葉，正使和合百千萬月，其面貌端正復過於此，身真金色。

**Thị BỒ Tát mục như quảng đại thanh Liên hoa diệp, chính sử hòa hợp bách thiên vạn Nguyệt, kỳ diện mạo đoan chính phục quá ư thử, thân chân kim sắc.**

**Mắt của BỒ Tát như lá hoa sen xanh to rộng, vượt trội hơn cho dù có hòa hợp trăm nghìn vạn mặt Trăng, diện mạo đoan chính, thân sắc vàng ròng.**

無量百千功德莊嚴，威德熾盛，光明照曜，諸相具足，如那羅延堅固之身。

**Vô lượng bách thiên công Đức trang nghiêm, uy Đức sí thịnh, Quang minh chiếu diệu, chư tướng cụ túc, như Na La Diên kiên cố chi thân.**

**Vô lượng trăm nghìn công Đức trang**

**nghiêm, uy Đức rực sáng, Quang sáng chiếu sáng tỏ, các tướng đầy đủ, như thân Kim cương không hỏng.**

入七寶臺，上昇虛空，去地七多羅樹，諸菩薩眾恭敬圍繞，而來詣此娑婆世界耆闍崛山。

**Nhập thất bảo đài, thượng thăng hư không, khứ địa thất Đa la thụ, chư Bồ Tát chúng cung kính vi nhiều, nhi lai nghệ thử Sa Bà Thế giới Kỳ Đô Quật sơn.**

**Nhập vào trong đài bảy báu, bay lên khoảng không, cách đất bằng bảy cây Đa la, các chúng Bồ Tát cung kính vây quanh và đi tới Sa Bà Thế giới núi Kỳ Đô Quật.**

到已，下七寶臺，以價直百千瓔珞，持至釋迦牟尼佛所，頭面禮足，奉上瓔珞，而白佛言：

**Đáo dĩ, hạ thất bảo đài, dĩ giá trị bách thiên anh lạc, trì chí Thích Ca Mâu Ni Phật sở, đầu diện lễ túc, phụng thượng anh lạc, nhi bạch Phật ngôn :**

**Tới rồi, xuống đài bảy báu, dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn, mang tới nơi ở của Thích Ca Mâu Ni Phật, phục đỉnh lễ chân,**

**dâng chuỗi ngọc lên và báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！淨華宿王智佛，問訊世尊，  
少病少惱，起居輕利，安樂行不？四大調和不？  
世事可忍不？

**Thế Tôn ! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật,**  
vấn tẩn Thế Tôn, thiếu bệnh thiếu nã,  
khởi cư khinh lợi, an lạc hành phủ ? Tứ  
Đại điều hòa phủ ? Thế sự khả Nhãn phủ ?

**Thế Tôn ! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật,**  
thăm hỏi Thế Tôn, ít bệnh, ít Phiền, rời  
nơi ở nhẹ nhàng, Thực hành yên vui  
không ? Bốn Đại điều hòa không ? Việc  
đời có thể Nhãn không ?

眾生易度不？無多貪欲，瞋恚愚癡，嫉妒慳慢不？  
無不孝父母，不敬沙門，邪見不善心，不攝五情不？

Chúng sinh dị độ phủ ? Vô đa tham dục,  
sân khuể ngu si, tật đố khan mạn phủ ?

Vô bất hiếu Phụ mẫu, bất kính Sa Môn, tà  
kiến bất thiện tâm, bất nhiếp ngũ Tình  
phủ ?

**Chúng sinh dễ độ không ? Không có nhiều**

tham muốn, hận thù ngu si, đổ kị tham  
tiếc kiêu mạn chứ ? Không có bất hiếu  
Cha mẹ, không kính trọng Sa Môn, thấy  
sai trái tâm không thiện, không hút lấy 5  
Tình chứ ?

世尊！眾生能降伏諸魔怨不？久滅度多寶如來，  
在七寶塔中，來聽法不？

**Thế Tôn ! Chúng sinh năng hàng phục chư  
Ma oán phủ ? Cửu diệt độ Đa Bảo Như Lai,  
tại thất bảo Tháp trung, lai thỉnh Pháp phủ  
?**

**Thế Tôn ! Chúng sinh hay hàng phục các  
Ma oán địch không ? Đa Bảo Như Lai tạ  
thế lâu, ở trong Tháp bảy báu, tới nghe  
Pháp không ?**

又問訊多寶如來，安穩少惱，堪忍久住不？世尊！  
我今欲見多寶佛身。

**Hựu vấn tấn Đa Bảo Như Lai, an ổn thiểu  
nảo, kham nhẫn cửu trụ phủ ? Thế Tôn !  
Ngã kim dục kiến Đa Bảo Phật thân.**

**Lại thăm hỏi Đa Bảo Như Lai, an ổn ít  
Phiên, sống chịu Nhẫn ở lâu không ? Thế**

**Tôn ! Con nay muốn thấy thân của Đa Bảo Phật.**

唯願世尊！

示我令見。爾時釋迦牟尼佛語多寶佛。是妙音菩薩欲得相見。

**Duy nguyện Thế Tôn ! Thị Ngã linh kiến.  
Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật ngữ Đa Bảo  
Phật. Thị Diệu Âm Bồ Tát dục đắc tương  
kiến.**

**Chỉ mong Thế Tôn ! Tỏ rõ giúp cho con  
thấy. Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Đa  
Bảo Phật. Diệu Âm Bồ Tát muốn được yết  
kiến.**

時多寶佛告妙音言：善哉，善哉！汝能為供養  
釋迦牟尼佛，及聽法華經，并見文殊師利等，  
故來至此。

**Thời Đa Bảo Phật cáo Diệu Âm ngôn :  
Thiện tai, thiện tai ! Nhữ năng vị cúng  
dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật, cập thính  
Pháp Hoa Kinh, tịnh kiến Văn Thù Sư Lợi  
đẳng, cố lai chí thử.**

**Thời Đa Bảo Phật bảo Diệu Âm nói rằng :**

**Thiện thay, thiện thay ! Ngài hay vì cúng  
dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật, và nghe  
Kinh Pháp Hoa, đều thấy Văn Thù Sư  
Lợi..., cho nên tới nơi này.**

爾時華德 菩薩 白佛言：世尊！是妙音菩薩，  
種何善根，修何 功德，有是神力？佛告華德菩薩。

**Nhĩ thời Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn：  
Thế Tôn ! Thị Diệu Âm Bồ Tát, chúng hà  
thiện Căn, tu hà công Đức, hữu thị Thần  
lực ? Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát.**

**Lúc đó Hoa Đức Bồ Tát báo cáo Phật nói  
rằng : Thế Tôn ! Diệu Âm Bồ Tát đó, trông  
Căn thiện gì, tu công Đức gì, có Thần lực  
đó ? Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát.**

過去有佛，名 雲雷音王，多陀阿伽度，阿羅訶，三藐  
三佛陀。國名現一切世間，劫名喜見。

**Quá khứ hữu Phật, danh Vân Lôì Âm  
Vương, Đa đà A già độ, A la ha, Tam miệu  
tam Phật Đà. Quốc danh Hiện Nhất Thiết  
Thế Gian, Kiếp danh Hỉ kiến.**

**Quá khứ có Phật, tên hiệu Vân Lôì Âm  
Vương, Đa đà A già độ, A la ha, Tam miệu**

**tam Phật Đà. Tên Nước là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, tên Kiếp là Hỉ kiến.**

妙音 菩薩, 於萬二千歲, 以十萬種伎樂, 供養雲雷音王 佛, 并奉上八萬四千七寶 鉢。

**Diệu Âm Bồ Tát, ư vạn nhị thiên tuế, dĩ thập vạn chủng kĩ nhạc, cúng dưỡng Vân Lô Âm Vương Phật, tịnh phụng thượng bát vạn tứ thiên thất bảo bát.**

**Diệu Âm Bồ Tát trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười vạn loại kĩ nhạc, cúng dưỡng Vân Lô Âm Vương Phật, kính dâng tám vạn bốn nghìn bát bảy báu.**

以是 因緣 果報, 今生淨華宿王智 佛國, 有是神力。華德！於汝意云何？

**Dĩ thị Nhân duyên quả báo, kim sinh Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật Quốc, hữu thị Thần lực. Hoa Đức ! Ư Nhữ ý vân hà ?**

**Do Nhân duyên quả báo đó, nay sinh ở Nước của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, có Thần lực đó. Hoa Đức ! Theo ý Ngài thì sao ?**



爾時 雲雷音王 佛所，妙音 菩薩，伎樂供養，  
奉上寶器者，豈異人乎？今此妙音 菩薩摩訶薩  
是。

**Nhĩ thời Vân Lôì Âm Vương Phật sở, Diệu Âm Bồ Tát, kĩ nhạc cúng dưỡng, phụng thượng bảo khí giả, khải dị nhân hô ? Kim thử Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát thị.**

**Thời đó ở nơi ở của Vân Lôì Âm Vương Phật, Diệu Âm Bồ Tát cúng dưỡng kĩ nhạc, cung kính dâng bát báu, người đó là ai ? Nay là Diệu Âm Bồ Tát Bồ Tát lớn này.**

華德！是妙音菩薩，已曾供養親近無量諸佛，  
久植德本，又值恒河沙等百千萬億 那由他 佛。

**Hoa Đức ! Thị Diệu Âm Bồ Tát, dĩ tăng cúng dưỡng thân cận vô lượng chư Phật, cửu thực Đức bản, hựu trực Hằng hà sa đẵng, bách thiên vạn ức Na do tha Phật.**

**Hoa Đức ! Diệu Âm Bồ Tát đã từng thân thiết cúng dưỡng vô lượng các Phật, vốn dĩ trồng Đức từ lâu, lại gặp trực tiếp Hằng hà sa trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha Phật.**

華德！汝但見妙音菩薩，其身在此，而是菩薩，現種種身，處處為諸眾生，說是經典。

**Hoa Đức ! Nhữ dân kiến Diệu Âm Bồ Tát kỳ thân tại thử, nhi thị Bồ Tát, hiện chủng chủng thân, xứ xứ vị chư chúng sinh, thuyết thị Kinh điển.**

**Hoa Đức ! Ngài chỉ nhìn thấy Diệu Âm Bồ Tát, thân đó tại đây, mà Bồ Tát đó, hiện ra đủ loại thân, khắp các nơi vì các chúng sinh, nói Kinh điển đó.**

或現梵王身,或現帝釋身,或現自在天身,或現大自在天身,或現天大將軍身。

Hoặc hiện Phạm vương thân, hoặc hiện Đế Thích thân, hoặc hiện Tự Tại Thiên thân, hoặc hiện Đại Tự tại Thiên thân, hoặc hiện Thiên đại tướng quân thân.

**Hoặc hiện ra thân Vua Phạm, hoặc hiện ra thân Đế Thích, hoặc hiện ra thân Trời Tự Tại, hoặc hiện ra thân Trời Đại Tự Tại, hoặc hiện ra thân Đại tướng quân trên Trời.**

或現 毘沙門天王 身,或現 轉輪聖王  
身,或現諸小王身,或現長者身,或現居士身。

**Hoặc hiện Tì Sa Môn Thiên vương thân,  
hoặc hiện Chuyển luân Thánh Vương  
thân, hoặc hiện chư tiểu Vương thân, hoặc  
hiện Trưởng Giả thân, hoặc hiện Cư Sĩ  
thân.**

**Hoặc hiện ra thân Vua Trời Tì Sa Môn,  
hoặc hiện ra thân Vua Thánh Chuyển  
luân, hoặc hiện ra thân các Vua nhỏ, hoặc  
hiện ra thân Trưởng giả, hoặc hiện ra thân  
Cư Sĩ.**

或現宰官身,或現 婆羅門 身,或現 比丘 比丘尼  
優婆塞 優婆夷 身,或現長者居士婦女身。

**Hoặc hiện Tể quan thân, hoặc hiện Bà La  
Môn thân, hoặc hiện Tì Kheo, Tì Kheo ni,  
Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc hiện Trưởng  
Giả Cư Sĩ phụ nữ thân.**

**Hoặc hiện ra thân quan Tể tướng, hoặc  
hiện ra thân Bà La Môn, hoặc hiện ra thân  
nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử,**

**nữ Phật Tử, hoặc hiện ra thân nữ Trưởng Giả Cư Sĩ.**

或現宰官婦女身,或現 婆羅門

婦女身,或現童男童女身,或現天龍夜叉 。

**Hoặc hiện Tể quan phụ nữ thân, hoặc hiện Bà La Môn phụ nữ thân, hoặc hiện đồng nam đồng nữ thân, hoặc hiện Thiên, Long, Dạ Xoa.**

**Hoặc hiện ra thân nữ Tể tướng, hoặc hiện ra thân nữ Bà La Môn, hoặc hiện ra thân cậu bé cô bé, hoặc hiện ra thân Trời, Rồng, Dạ Xoa.**

乾闥婆,阿修羅迦樓羅 緊那羅 摩睺羅伽

,人,非人等身,而說是經 。

**Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, phi Nhân đẳng, nhi thuyết thị Kinh.**

**Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, không phải Người, mà nói Kinh đó.**

諸有地獄 餓鬼 ,畜生,及眾難處,

皆能救濟。乃至於王後宮,變為女身,而說是經 。

**Chư hữu Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, cập chúng nạn xứ, giai năng cứu tế. Nãi chí ư Vương hậu cung, biến vi nữ thân, nhi thuyết thị Kinh.**

**Nơi có Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh và nơi các nạn, đều có thể cứu giúp. Thậm chí ở trong hậu cung Vua, biến ra làm thân nữ mà nói Kinh đó.**

華德！是妙音菩薩，能救護娑婆世界諸眾生者，是妙音菩薩，如是種種變化現身。

**Hoa Đức ! Thị Diệu Âm Bồ Tát, năng cứu hộ Sa Bà Thế giới chư chúng sinh giả, thị Diệu Âm Bồ Tát, như thị chủng chủng biến Hóa hiện thân.**

**Hoa Đức ! Diệu Âm Bồ Tát đó, hay cứu giúp chúng sinh ở Sa Bà Thế giới, Diệu Âm Bồ Tát đó, biến hiện ra đủ các loại thân như thế.**

在此娑婆國土，為諸眾生說是經典，於神通，變化，智慧，無所損減。

**Tại thử Sa Bà Quốc thổ, vị chư chúng sinh thuyết thị Kinh điển, ư Thần thông biến**

**hóa Trí tuệ vô sở tổn giảm.**

**Ở Sa Bà Thế giới này, vì các chúng sinh thuyết Kinh điển đó, dùng Thần thông biến hóa Trí tuệ không bị giảm tổn.**

是菩薩以若干智慧，明照娑婆世界，令一切眾生，各得所知，於十方恒河沙世界中，亦復如是。

**Thị Bồ Tát dĩ nhược can Trí tuệ, minh chiếu Sa Bà Thế giới, linh nhất thiết chúng sinh, các đắc sở tri, ư thập phương Hằng hà sa Thế giới trung, diệc phục như thị.**

**Bồ tát đó dùng rất nhiều Trí tuệ, chiếu sáng Sa Bà Thế giới, giúp tất cả chúng sinh, đều được hiểu biết, ở trong Hằng hà sa Thế giới mười phương, cũng lại như thế.**

若應以聲聞形得度者，現聲聞形而為說法。應以辟支佛形得度者，現辟支佛形而為說法。

**Nhược ứng dĩ Thanh Văn hình đắc độ giả, hiện Thanh Văn hình nhi vị thuyết Pháp.**

**Ứng dĩ Bích Chi Phật hình đắc độ giả, hiện Bích Chi Phật hình nhi vị thuyết Pháp.**

**Nếu muốn dùng hình Thanh Văn được độ**

**thoát, hiện ra hình Thanh Văn và vì nói Pháp. Muốn dùng hình Bích Chi Phật được độ thoát, hiện ra hình Bích Chi Phật và vì nói Pháp.**

應以菩薩形得度者，  
現菩薩形而為說法。應以佛形得度者，  
即現佛形而為說法。

**Ứng dĩ Bồ Tát hình đặc độ giả, hiện Bồ Tát hình nhi vị thuyết Pháp. Ứng dĩ Phật hình đặc độ giả, tức hiện Phật hình nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng hình Bồ Tát được độ thoát, hiện ra hình Bồ Tát và vì nói Pháp. Muốn dùng hình Phật được độ thoát, tức thời hiện ra hình Phật và vì nói Pháp.**

如是種種，隨所應度，而為現形，  
乃至應以滅度而得度者，示現滅度。

**Như thị chủng chủng, tùy sở ứng độ, nhi vị hiện hình, nãi chí ứng dĩ Diệt độ nhi đặc độ giả, thị hiện Diệt độ.**

**Đủ loại như thế, tùy theo muốn độ thoát, mà vì hiện ra hình, thậm chí muốn dùng**



**cảnh Phật Bồ Đề mà được độ thoát, hiện ra cảnh Phật Bồ Đề.**

華德！妙音 菩薩 摩訶薩，成就大 神通 智慧之力，其事如是。爾時 華德菩薩白佛言：

**Hoa Đức ! Diệu Âm Bồ Tát Ma ha tát, thành tựu đại Thân thông Trí tuệ chi lực, kỳ sự như thị. Nhĩ thời Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn :**

**Hoa Đức ! Diệu Âm Bồ Tát Bồ Tát lớn thành công lực Thân thông Trí tuệ lớn, việc đó như thế. Lúc đó Hoa Đức Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！是妙音 菩薩，深種善根。世尊！是菩薩住何三昧，而能如是，在所變現，度脫衆生？

**Thế Tôn ! Thị Diệu Âm Bồ Tát, thâm chúng thiện Căn. Thế Tôn ! Thị Bồ Tát trụ hà Tam muội, nhi năng như thị, tại sở biến hiện, quảng độ chúng sinh ?**

**Thế Tôn ! Diệu Âm Bồ Tát trông Căn thiện thâm sâu. Thế Tôn ! Bồ Tát đó dừng ở Tam muội nào, mà có thể như thế, biến hiện khắp nơi, rộng độ chúng sinh ?**

佛告華德菩薩。善男子！其三昧  
名現一切色身。妙音菩薩住是三昧中，  
能如是饒益無量衆生。

**Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát. Thiện nam tử !  
Kỳ Tam muội danh Hiện nhất thiết sắc  
thân. Diệu Âm Bồ Tát trụ thị Tam muội  
trung, năng như thị nhiều ích vô lượng  
chúng sinh.**

**Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát. Người nam  
thiện ! Tên Tam muội đó là Hiện ra tất cả  
sắc thân. Diệu Âm Bồ Tát dừng ở trong  
Tam muội đó, hay lợi ích vô lượng chúng  
sinh như thế.**

說是妙音 菩薩 品時，  
與妙音菩薩俱來者八萬四千人，皆得現一切色身  
三昧。

**Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát phẩm thời, dữ  
Diệu Âm Bồ Tát câu lai giả bát vạn tứ  
thiên nhân, giai đắc Hiện nhất thiết sắc  
thân Tam muội.**

**Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát đó, cùng  
với người đi theo Diệu Âm Bồ Tát, tám**

**vạn bốn ngàn người, đều được Tam muội  
Hiện ra tất cả sắc thân.**

此娑婆世界無量菩薩，亦得是三昧及陀羅尼。

**Thử Sa Bà Thế giới vô lượng Bồ Tát diệc  
đắc thị Tam muội cập Đà La Ni.**

**Vô lượng Bồ Tát ở Sa Bà Thế giới này,  
cũng được Tam muội đó và Đà La Ni.**

爾時妙音菩薩摩訶薩供養釋迦牟尼佛，及多寶  
佛塔已，還歸本土。

**Nhĩ thời Diệu Âm Bồ Tát Ma ha tát cúng  
dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật, cập Đa Bảo  
Phật Tháp dĩ, hoàn quy bản thổ.**

**Lúc đó Diệu Âm Bồ Tát Bồ Tát lớn, cúng  
dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật và Tháp của  
Đa Bảo Phật xong, trở về Nước cũ.**

所經諸國六種震動，雨寶蓮華，

作百千萬億種種伎樂，既到本國，與八萬四千菩薩  
圍繞，至淨華宿王智佛所。

**Sở kinh chư Quốc, lục chủng chấn động,  
vú bảo Liên hoa, tác bách thiên vạn ức  
chủng chủng kĩ nhạc, ký đáo bản Quốc,  
dữ bát vạn tứ thiên vi nhiều, chí Tịnh Hoa**

**Tú Vương Trí Phật sở.**

**Đi qua các Nước, sáu loại chấn động, rải hoa Sen báu, làm trăm nghìn vạn trăm triệu các loại kĩ nhạc, đã về tới Nước của mình, với tám vạn bốn nghìn Bồ Tát vây quanh, tới nơi ở của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật.**

白佛言：世尊！我到娑婆世界，饒益眾生，見釋迦牟尼佛，及見多寶佛塔。

**Bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã đáo Sa Bà Thế giới, nhiều ích chúng sinh, kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Đa Bảo Phật Tháp.**

**Báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Con tới Sa Bà Thế giới, lợi ích chúng sinh, nhìn thấy Thích Ca Mâu Ni Phật và nhìn thấy Tháp của Đa Bảo Phật.**

禮拜供養，又見文殊師利法王子菩薩，及見藥王菩薩，得勤精進力菩薩。

**Lễ bái cúng dưỡng, hựu kiến Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, cập kiến Dược Vương Bồ Tát, Đắc Cần Tinh Tiến Lực Bồ**

**Tát.**

**Lễ bái cúng dường, lại thấy Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát và nhìn thấy Dược Vương Bồ Tát, Đắc Căn Tinh Tiến Lực Bồ Tát.**

勇施 菩薩 等，亦令是八萬四千菩薩，得現一切色身三昧。

**Dũng Thí Bồ Tát, diệc linh thị bát vạn tứ thiên Bồ Tát, đắc Hiện nhất thiết sắc thân Tam muội.**

**Dũng Thí Bồ Tát, cũng giúp cho tám vạn bốn nghìn Bồ Tát đó, được Tam muội Hiện ra tất cả sắc thân.**

說是妙音 菩薩 來往品時，四萬二千 天子 得無生法忍。華德 菩薩 得 法華三昧。

**Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát lai vãng phẩm thời, tứ vạn nhị thiên Thiên Tử, đắc Vô sinh Pháp nhẫn. Hoa Đức Bồ Tát, đắc Pháp Hoa Tam muội.**

**Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát đi tới này, bốn vạn hai nghìn người Trời, được Pháp**

**nhân Không sinh. Hoa Đức Bồ Tát được Tam muội Pháp Hoa.**

妙法蓮華經觀世音菩薩普門品第二十五。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ môn phẩm đệ nhị thập ngũ.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 25**

**Môn rộng khắp của Quan Thế Âm Bồ Tát.**

爾時 無盡意 菩薩，即從座起，偏袒右肩，合掌向佛，而作是言。

**Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ Tát, tức tòng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hợp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn.**

**Lúc đó Vô Tận Ý Bồ Tát, tức thời từ chỗ ngồi đứng dậy, vai phải áo lệch, chấp tay hướng về Phật mà làm lời nói như thế.**

世尊！觀世音菩薩 以何因緣，名觀世音？

佛告無盡意菩薩。

**Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát dĩ hà Nhân duyên, danh Quan Thế Âm ? Phật**

**cáo Vô Tận Ý Bồ Tát.**

**Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát do Nhân duyên gì, tên hiệu Quan Thế Âm ? Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát.**

善男子！若有無量百千萬億衆生，受諸苦惱，聞是觀世音菩薩。

**Thiện nam tử ! Nhược hữu vô lượng bách thiên vạn ức chúng sinh, thụ chư khổ não, văn thị Quan Thế Âm Bồ Tát.**

**Người nam thiện ! Nếu có vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu chúng sinh, nhận các khổ não, nghe Quan Thế Âm Bồ Tát đó.**

一心稱名 觀世音菩薩，即時觀其音聲，皆得解脫。

**Nhất tâm xưng danh Quan Thế Âm Bồ Tát, tức thời quan kỳ âm thanh, giai đắc Giải thoát.**

**Nhất tâm đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, tức thời theo âm thanh của họ, đều được Giải thoát.**

若有持是 觀世音菩薩 名者，設入大火，火不能燒，由是菩薩 威神力 故。

**Nược hữu trì thị Quan Thế Âm Bồ Tát**



danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu, do thị BỒ Tát uy Thần lực cố.

**Nếu có người giữ lấy tên Quan Thế Âm Bồ Tát đó, nếu vào đồng lửa, lửa không thể thiêu, do uy Thần lực của BỒ Tát đó.**

若爲大水所漂，稱其名號，  
即得淺處。若有百千萬億衆生，爲求金銀 瑠璃  
磔磔 碼碯 珊瑚 琥珀。

Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiển xứ. Nhược hữu bách thiên vạn ức chúng sinh, vi cầu kim ngân lưu ly, xa cừ mã não, san hô hổ phách.

**Nếu bị nước lớn đẩy trôi, đọc tên hiệu đó, tức thời được tới nơi nước cạn. Hoặc có trăm nghìn vạn trăm triệu chúng sinh, vì tìm vàng bạc lưu ly, xa cừ mã não, san hô hổ phách.**

眞珠等寶，入於大海，假使黑風吹其船舫，漂墮 羅刹  
鬼國，其中若有乃至一人。

Chân châu đẳng bảo, nhập ư đại hải, giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phảng, phiêu đọa La Sát Quỷ Quốc, kỳ trung nhược hữu

**nãi chí nhất nhân.**

**Trên châu cùng với vật báu, nhập vào biển lớn, giả sử gió lốc thổi thuyền của họ, dạt vào Nước của Quỷ La Sát , thậm chí chỉ có một người trong số người đó.**

稱觀世音菩薩名者，是諸人等，皆得解脫羅刹之難，以是因緣，名觀世音。

**Xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc Giải thoát La Sát chi nạn, dĩ thị Nhân duyên, danh Quan Thế Âm.**

**Đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, những người đó đều được Giải thoát nạn La Sát, vì Nhân duyên đó, tên hiệu Quan Thế Âm.**

若復有人，臨當被害，稱觀世音菩薩名者，彼所執刀杖，尋段段壞而得解脫。

**Nhược phục hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, bỉ sở chấp đao trượng, tâm đoạn đoạn hoại nhi đắc Giải thoát.**

**Nếu lại có người đang sắp bị hại, đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, họ có bị đao**

**gậy, dần dần gãy hỏng mà được Giải thoát.**

若三千大千國土，滿中夜叉羅刹，欲來惱人，聞其稱觀世音菩薩名者，是諸惡鬼尚不能以惡眼視之，況復加害。

**Nhược Tam thiên Đại thiên Quốc thổ, mãn trung Dạ Xoa, La Sát, dục lai nảo nhân, văn kỳ xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư ác Quỷ thượng bất năng dĩ ác nhân thị chi, huống phục gia hại.**

**Nếu Ba nghìn Đại thiên Đất nước, Dạ Xoa La Sát đây ở trong đó, muốn tới phá người, nghe họ đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, các Quỷ dữ còn không thể dùng mắt ác để soi, huống hồ lại tăng thêm hại.**

設復有人，若有罪若無罪，杻械枷鎖，檢繫其身，稱觀世音菩薩名者，皆悉斷壞，即得解脫。

**Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, sửu giới già tảo, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc Giải thoát. Giả sử lại có người, hoặc có tội, hoặc**

**không có tội, thân họ bị xiềng xích gông cùm trói buộc, đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, tất cả đều đứt hỏng, tức thời được Giải thoát.**

若三千大千國土，滿中怨賊，有一商主，將諸商人，齎持重寶，經過險路，其中一人，作是唱言：

**Nhược Tam thiên Đại thiên Quốc thổ, mẫn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhất nhân tác thị xướng ngôn :**

**Nếu Ba nghìn Đại thiên Đất nước, trong đó đầy cướp oán, có một chủ buôn, cùng các người buôn, mang nhiều vật báu, đi qua đường hiểm, trong họ có một người đề xướng nói rằng :**

諸善男子！勿得恐怖，汝等應當一心稱觀世音菩薩名號，是菩薩能以無畏。

**Chư thiện nam tử ! Vật đắc khủng bố, Nhữ đẳng ứng đương nhất tâm xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, thị Bồ Tát năng dĩ vô úy.**

**Các người nam thiện ! Đừng có hoảng sợ, các bạn nên nhất tâm đọc tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, Bồ Tát đó hay dùng không sợ hãi.**

施於衆生，汝等若稱名者，於此怨賊，  
當得解脫。衆商人聞，俱發聲言：

**Thí ư chúng sinh, Nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc Giải thoát. Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn :**

**Bố thí cho chúng sinh, các bạn nếu đọc tên hiệu, với cướp oán này đang được Giải thoát. Các người buôn nghe, đều đồng thanh đọc :**

南無 觀世音 菩薩！稱其名故，即得解脫。無盡意！  
觀世音菩薩訶薩威神之力，巍巍如是。

**Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát ! Xưng kỳ danh cố, tức đắc Giải thoát. Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát Uy Thần chi lực, nguy nguy như thị.**

**Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát, do đọc tên hiệu đó, tức thời được Giải thoát. Vô Tận**

**Ý ! Lực uy Thần của Quan Thế Âm Bồ Tát lớn sừng sững như thế.**

若有衆生，多於婬欲，常念恭敬 觀世音 菩薩，便得離欲。若多瞋恚，常念恭敬 觀世音 菩薩，便得離瞋。

**Nhược hữu chúng sinh đa ư dâm dục, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly dục. Nhược đa sân khuể, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly sân.**

**Nếu có chúng sinh nhiều với dâm dục, thường nghĩ nhớ cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, liền được rời bỏ dâm dục. Nếu nhiều thù hận, thường nghĩ nhớ cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tức thời được rời bỏ thù hận.**

若多愚癡，常念恭敬 觀世音 菩薩，便得離癡。  
無盡意！

**Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly si. Vô Tận Ý !**

**Nếu nhiều ngu si, thường nghĩ nhớ cung**

**kính Quan Thế Âm Bồ Tát, liền được rời bỏ ngu si. Vô Tận Ý !**

觀世音 菩薩, 有如是等大 威神力, 多所饒益, 是故衆生, 常應心念。

**Quan Thế Âm Bồ Tát, hữu như thị đẳng đại uy Thân lực, đa sở nhiều ích. Thị cố chúng sinh, thường ứng tâm niệm.**

**Quan Thế Âm Bồ Tát có như thế cùng với uy Thân lực lớn, lợi ích rất nhiều. Vì thế chúng sinh, tâm thường nên nghĩ nhớ.**

若有女人, 設欲求男, 禮拜供養 觀世音 菩薩, 便生福德智慧之男。

**Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện sinh Phúc Đức Trí tuệ chi nam.**

**Nếu có phụ nữ, muốn cầu sinh con trai, lễ bái cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát, liền sinh con trai Phúc Đức Trí tuệ.**

設欲求女, 便生端正有相之女, 宿植德本, 衆人愛敬。無盡意! 觀世音 菩薩 有如是力。

**Thiết phục cầu nữ, tiện sinh đoan chính hữu tướng chi nữ, túc thực Đức bản, chúng**



**Nhân ái kính. Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát hữu như thị lực.**

**Muốn cầu sinh con gái, liền sinh con gái tướng mạo đoan chính, trông đầy đủ Đức của Kiếp trước, mọi người yêu kính. Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát có lực như thế.**

若有衆生，恭敬禮拜 觀世音 菩薩，福不唐捐，  
是故衆生，皆應受持觀世音菩薩名號。

**Nhược hữu chúng sinh, cung kính lễ bái Quan Thế Âm Bồ Tát, Phúc bất đường quyên, thị cố chúng sinh, giai ứng thụ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu.**

**Nếu có chúng sinh, cung kính lễ bái Quan Thế Âm Bồ Tát, Phúc không tổn hại, vì thế chúng sinh, đều nên nhận giữ tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát.**

無盡意！若有人受持六十二億恒河 菩薩 名字，  
復盡形供養飲食衣服卧具醫藥。

**Vô Tận Ý! Nhược hữu nhân thụ trì lực thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh tự, phục tận hình cúng dưỡng ẩm thực, y phục,**

ngọa cụ, y dược.

**Vô Tận Ý ! Nếu có người nhận giữ tên hiệu của sáu mươi hai trăm triệu Hằng hà sa Bồ Tát, lại lập dựng cả hình tượng, cúng dường đồ ăn uống, quần áo, đồ ngủ, thuốc thang.**

於汝意云何？是善男子善女人，功德多不？

無盡意言：甚多！世尊！

**Ư Nhữ ý vân hà ? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, công Đức đa phủ ? Vô Tận Ý ngôn : Thập đa ! Thế Tôn !**

**Ý Ngài thế nào ? Người nam thiện người nữ thiện đó, công Đức nhiều phải không ? Vô Tận Ý nói rằng : Rất nhiều ! Thế Tôn !**

佛言：若復有人受持觀世音菩薩

名號。乃至一時禮拜供養，是二人福，正等無異，於百千萬億劫，不可窮盡。

**Phật ngôn : Phục hữu nhân thụ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái cúng dường, thị nhị nhân Phúc, chính đẳng vô dị, ư bách thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.**

**Phật nói rằng : Nếu lại có người nhận giữ tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, thậm chí giây phút lễ bái cúng dường, Phúc của 2 người đó, ngang bằng như nhau không khác, trong trăm nghìn vạn trăm triệu Kiếp không thể tận cùng.**

無盡意！受持 觀世音 菩薩 名號，  
得如是無量無邊福德之利。無盡意菩薩白佛言：  
**Vô Tận Ý ! Thụ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên Phúc Đức chi lợi. Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn :**

**Vô Tận Ý ! Nhận giữ tên hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, được vô lượng vô biên lợi ích Phúc Đức như thế. Vô Tận Ý Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！觀世音菩薩，云何遊此 娑婆世界，  
云何而為衆生說法，方便之力，其事云何？  
佛告無盡意 菩薩。

**Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát, vân hà du thử Sa Bà Thế giới ? Vân hà nhi vị chúng sinh thuyết Pháp ? Phương tiện chi lực, kỳ**

**sự vân hà ? Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát.  
Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát, làm thế  
nào đi tới Sa Bà Thế giới ? Làm thế nào vì  
chúng sinh nói Pháp ? Lục Phương tiện,  
việc này như thế nào ? Phật bảo Vô Tận Ý  
Bồ Tát.**

善男子！若有國土衆生，應以佛身得度者，  
觀世音菩薩即現佛身而爲說法。

**Thiện nam tử ! Nhược hữu Quốc thổ chúng  
sinh, ứng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quan  
Thế Âm Bồ Tát tức hiện Phật thân nhi vị  
thuyết Pháp.**

**Người nam thiện ! Nếu có chúng sinh của  
Đất nước, muốn dùng thân Phật được độ  
thoát, Quan Thế Âm Bồ Tát tức thời hiện  
ra thân Phật mà vì nói Pháp.**

應以辟支佛身得度者，  
即現辟支佛身而爲說法。應以聲聞身得度者，  
即現聲聞身而爲說法。

**Ứng dĩ Bích Chi Phật thân đắc độ giả, tức  
hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết  
Pháp. Ứng dĩ Thanh Văn thân đắc độ giả,**

**tức hiện Thanh Văn thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Bích Chi Phật được độ thoát, tức thời hiện ra thân Bích Chi Phật mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Thanh Văn được độ thoát, tức thời hiện ra thân Thanh Văn mà vì nói Pháp.**

應以 梵王 身得度者, 即現梵王身而為說法。應以 帝釋 身得度者, 即現帝釋身而為說法。

**Ứng dĩ Phạm vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết Pháp. Ứng dĩ Đế Thích thân đắc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Vua Phạm được độ thoát, tức thời hiện ra thân Vua Phạm mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Ngọc Hoàng Đế Thích được độ thoát, tức thời hiện ra thân Ngọc Hoàng Đế Thích mà vì nói Pháp.**

應以自在天身得度者, 即現自在天身而為說法。應以 大自在天身得度者, 即現大自在天身而為說法。

**Ứng dĩ Tự Tại Thiên thân đắc độ thoát, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Ứng dĩ Đại Tụ Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại Tụ Tại Thiên thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Trời Tụ Tại được độ thoát, tức thời hiện ra thân Trời Tụ Tại mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Trời Đại Tụ Tại được độ thoát, tức thời hiện ra thân Trời Đại Tụ Tại mà vì nói Pháp.**

應以天大將軍身得度者,即現天大將軍身而爲說法。  
應以毗沙門身得度者,即現毗沙門身而爲說法。

**Ứng dĩ Thiên Đại tướng quân thân đắc độ giả, tức hiện Thiên Đại tướng quân thân nhi vị thuyết Pháp. Ứng dĩ Tì Sa Môn thân đắc độ giả, tức hiện Tì Sa Môn thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Đại tướng trên Trời được độ thoát, tức thời hiện ra thân Đại tướng trên Trời mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Tì Sa Môn được độ thoát, tức thời hiện ra thân Tì Sa Môn mà vì nói Pháp.**

應以小王身得度者,  
即現小王身而爲說法。應以長者身得度者,

即現長者身而爲說法。

**Ứng dĩ tiểu Vương thân đắc độ giả, tức hiện tiểu Vương thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Ứng dĩ Trưởng Giả thân đắc độ giả, tức hiện Trưởng Giả thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Vua nhỏ được độ thoát, tức thời hiện ra thân Vua nhỏ mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Trưởng Giả được độ thoát, tức thời hiện ra thân Trưởng Giả mà vì nói Pháp.**

應以居士身得度者，

即現居士身而爲說法。應以宰官身得度者，

即現宰官身而爲說法。

**Ứng dĩ Cư Sĩ thân đắc độ giả, tức hiện Cư Sĩ thân nhi vị thuyết Pháp. Ứng dĩ Tể quan thân đắc độ giả, tức hiện Tể quan thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Cư Sĩ tu tại gia được độ thoát, tức thời hiện ra thân Cư Sĩ mà vì nói Pháp. Muốn dùng thân Tể tướng được độ thoát, tức thời hiện ra thân Tể tướng mà vì nói Pháp.**



應以 婆羅門 身得度者，即現婆羅門身而爲說法。

**Ứng dĩ Bà La Môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà La Môn thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Bà La Môn được độ thoát, tức thời hiện ra thân Bà La Môn mà vì nói Pháp.**

應以 比丘 比丘尼 優婆塞 優婆夷 身得度者，  
即現比丘比丘尼優婆塞優婆夷身而爲說法。

**Ứng dĩ Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân đắc độ giả, tức hiện Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử được độ thoát, tức thời hiện ra thân nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử mà vì nói Pháp.**

應以長者居士宰官 婆羅門 婦女身得度者，  
即現婦女身而爲說法。

**Ứng dĩ Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể quan, Bà La Môn, phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện nữ thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân phụ nữ Trưởng Giả, Cư Sĩ, quan Tể tướng, Bà La Môn được độ thoát, tức thời hiện ra thân nữ mà vì nói Pháp.**

應以童男童女身得度者，  
即現童男童女身而爲說法。

**Ứng dĩ Đồng nam Đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện Đồng nam Đồng nữ thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Cậu bé, Cô bé được độ thoát, tức thời hiện ra thân Cậu bé, Cô bé mà vì nói Pháp.**

應以天龍

夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等  
身得度者,即皆現之而爲說法。

**Ứng dĩ Thiên, Long, Kiền Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, phi Nhân đẳng, tức giai hiện chi nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Trời, Rồng, Dạ Xoa, Kiền Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, không phải Người**

**được độ thoát, tức thời hiện ra mà vì nói Pháp.**

應以執金剛神得度者，即現執金剛神而爲說法。

**Ung dĩ Chấp Kim Cương Thần thân đặc độ giả, tức hiện Chấp Kim Cương Thần thân nhi vị thuyết Pháp.**

**Muốn dùng thân Thần Chấp Kim Cương được độ thoát, tức thời hiện ra thân Thần Chấp Kim Cương mà vì nói Pháp.**

無盡意！是觀世音菩薩成就如是功德，以種種形遊諸國土，度脫衆生，是故汝等應當一心供養觀世音菩薩

。

**Vô Tận Ý ! Thị Quan Thế Âm Bồ Tát thành tựu như thị công Đức, dĩ chủng chủng hình du chư Quốc thổ, độ thoát chúng sinh, thị cố Nhữ đẳng ứng đương nhất tâm cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát.**

**Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát thành công công Đức như thế, dùng các loại thân hình tới các Đất nước, độ thoát chúng sinh, vì thế các Ngài cần phải nhất tâm cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát.**

是觀世音菩薩摩訶薩，於怖畏急難之中，能施無畏，是故此娑婆世界，皆號之為施無畏者。

**Thị Quan Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát, ư bố úy cấp nạn chi trung năng Thí vô úy, thị cố thử Sa Bà Thế giới, giai hiệu chi vi Thí vô úy giả.**

**Quan Thế Âm Bồ Tát Bồ Tát lớn đó, trong lúc hoảng sợ nạn khẩn cấp hay Bồ thí không sợ hãi, vì thế ở Sa Bà Thế giới này đều có tên hiệu là Bồ thí không sợ hãi.**

無盡意菩薩白佛言：世尊！我今當供養觀世音菩薩，即解頸眾寶珠瓔珞，價直百千兩金而以與之。

**Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã kim đương cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát. Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc, giá trực bách thiên lượng kim nhi dĩ dữ chi.**

**Vô Tận Ý Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Con nay đang cúng dưỡng Quan Thế Âm Bồ Tát. Tức thời tháo lấy chuỗi châu báu trên cổ, giá trị trăm nghìn lượng vàng mà dùng cấp cho.**

作是言。仁者！受此法施，珍寶瓔珞。時觀世音菩薩不肯受之。

**Tác thị ngôn. Nhân giả ! Thụ thử Pháp thí, trân bảo anh lạc. Thời Quan Thế Âm Bồ Tát bất khểng thụ chi.**

**Làm lời nói như thế. Ngài Nhân từ ! Nhận Pháp Bồ thí này, chuỗi ngọc châu báu.**

**Thời Quan Thế Âm Bồ Tát không chịu thu nhận.**

無盡意復白 觀世音菩薩 言：仁者！

愍我等故受此瓔珞。

**Vô Tận Ý phục bạch Quan Thế Âm Bồ Tát ngôn : Nhân giả ! Mẫn Ngã đảnh cố, thụ thử anh lạc.**

**Vô Tận Ý lại báo cáo Quan Thế Âm Bồ Tát nói rằng : Ngài Nhân từ ! Vì thương chúng con, nhận chuỗi ngọc này.**

爾時佛告觀世音菩薩。當愍此無盡意

菩薩及四衆天龍夜叉乾闥婆，

**Nhĩ thời Phật cáo Quan Thế Âm Bồ Tát.**

**Đương mẫn thử Vô Tận Ý, cập Tứ Chúng, Thiên, Long, Dạ Xoa, Kiền Tát Bà,**

**Lúc đó Phật bảo Quan Thế Âm Bồ Tát.  
Nên thương xót Vô Tận Ý Bồ Tát cùng với  
bốn Chúng, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Kiền Tát  
Bà,**

阿修羅 迦樓羅 緊那羅 摩睺羅伽 人非人等故，  
受是瓔珞。

**A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu  
La Già, Nhân, phi Nhân đẳng cố, thụ thị  
anh lạc.**

**A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu  
La Già, Người, không phải Người, nhận  
chuỗi ngọc đỏ.**

即時 觀世音 菩薩 愍諸四衆，  
及於天龍人非人等受其瓔珞。

**Tức thời Quan Thế Âm Bồ Tát mẫn chư tứ  
Chúng, cập ư Thiên Long nhân phi nhân  
đẳng thụ kỳ anh lạc.**

**Tức thời Quan Thế Âm Bồ Tát thương xót  
bốn Chúng và các Trời, Rồng, Người,  
không phải Người, nhận chuỗi ngọc đỏ.**

分作二分，一分奉 釋迦牟尼佛，一分奉多寶佛塔。

**Phân tác nhị phần, nhất phần phụng Thích**

**Ca Mâu Ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật Tháp.**

**Chia làm 2 phần, một phần dâng lên Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng lên Tháp của Đa Bảo Phật.**

無盡意！觀世音菩薩有如是自在神力，遊於娑婆世界。

**Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát hữu như thị Tự tại Thần lực, du ư Sa Bà Thế giới.**

**Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát có Thần lực Tự do như thế, đi tới Sa Bà Thế giới.**

爾時 無盡意菩薩以偈問曰：

**Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ Tát dĩ kệ vấn viết :  
Lúc đó Vô Tận Ý Bồ Tát dùng bài kệ hỏi rằng :**

世尊妙相具我今重問彼佛子何因緣

**Thế Tôn diệu tướng cụ. Ngã kim trùng vấn  
bỉ. Phật Tử hà Nhân duyên.**

**Thế Tôn đủ tướng đẹp. Con nay lại hỏi  
Phật. Phật Tử Nhân duyên gì.**

名爲觀世音 具足妙相尊偈答 無盡意

**Danh vi Quan Thế Âm. Cụ túc diệu tướng**



tôn. Kệ đáp Vô Tận Ý.

**Tên hiệu Quan Thế Âm. Đây đủ tướng đẹp  
quý. Kệ đáp Vô Tận Ý.**

汝聽 觀音 行善應諸方所弘誓深如海

**Nhữ thính Quan Âm hạnh. Hiện ứng chư  
phương sở. Hoằng thệ thâm như hải.**

**Ngài nghe hạnh Quan Âm. Hay ứng hiện  
mọi nơi. Thệ lớn sâu như biển.**

歷劫不思議侍多千億佛發大清淨願

**Lịch Kiếp bất tư nghị. Thị đa thiên ức  
Phật. Phát đại Thanh tịnh nguyện.**

**Muôn Kiếp không nghĩ bàn. Giúp nghìn  
trăm triệu Phật. Phát nguyện lớn Thanh  
tịnh.**

我爲汝略說聞名及見身心念不空過

**Ngã vì Nhữ lược thuyết. Văn danh cập  
kiến thân. Tâm niệm bất không quá.**

**Ta vì Ngài nói qua. Nghe tên và thấy thân.  
Không uổng tâm ghi nhớ.**

能滅諸有苦假使興害意推落大火坑

**Năng diệt chư Hữu khổ. Giả sử hưng hại ý.  
Thôi lạc đại hỏa khanh.**

**Hay diệt các khổ Có. Giả sử nổi ý hại. Đẩy xuống hầm lửa lớn.**

念彼 觀音 力 火坑變成池 或漂流巨海

**Niệm bử Quan Âm lực. Hỏa khanh biến thành trì. Hoặc phiêu lưu cự hải.**

**Nhớ lực Quan Âm đó. Hầm lửa biến thành ao. Hoặc trôi dạt biển lớn.**

龍魚諸鬼難 念彼 觀音 力 波浪不能沒

**Long ngư chư Quỷ nạn. Niệm bử Quan Âm lực. Ba lãng bất năng một.**

**Rồng cá và nạn Quỷ. Nhớ lực Quan Âm đó. Không chìm trong sóng nước.**

或在 須彌 峯 爲人所推墮 念彼 觀音 力

**Hoặc tại Tu Di phong. Vi Nhân sở thôi đọa. Niệm bử Quan Âm lực.**

**Hoặc tại đỉnh Tu Di. Vì bị người đẩy rơi. Nhớ lực Quan Âm đó.**

如日虛空住 或被惡人逐 墮落金剛山

**Như Nhật Hư không trụ. Hoặc bị ác nhân truy. Đọa lạc Kim Cương sơn.**

**Như mặt Trời trong không. Hoặc bị người ác đuổi. Rơi lạc núi Kim Cương.**

念彼 觀音 力 不能損一毛 或值怨賊繞

**Niệm bử Quan Âm lực. Bất năng tổn nhất  
mao. Hoặc trực oán tặc nhiều.**

**Nhớ lực Quan Âm đó. Sợ lòng không thể  
mất. Hoặc gặp oán cướp vây.**

各執刀加害 念彼 觀音 力 咸即起慈心

**Các chấp đao gia hại. Niệm bử Quan Âm  
lực. Hàm tức khởi Từ tâm.**

**Dùng đao tăng thêm hại. Nhớ lực Quan  
Âm đó. Đều liền nổi tâm Từ.**

或遭王難苦 臨刑欲壽終 念彼 觀音 力

**Hoặc tao Vương nạn khổ. Lâm hình dục  
thọ chung. Niệm bử Quan Âm lực.**

**Gặp nạn khổ Pháp luật. Bị tội án tử hình.  
Nhớ lực Quan Âm đó.**

刀尋段段壞 或囚禁枷鎖 手足被杻械

**Đao tâm đoạn đoạn hoại. Hoặc tù cấm già  
toả. Thủ túc bị sửu giới.**

**Đao dần dần gãy hỏng. Bị tù cấm gông  
cùm. Chân tay bị xiềng xích.**

念彼 觀音 力 釋然得解脫 呪詛諸毒藥

**Niệm bử Quan Âm lực. Thích nhiên đắc**

**Giải thoát. Chú trở chư độc dược.**

**Nhớ lực Quan Âm đó. Hợp thời được Giải thoát. Bùa Chú và thuốc độc.**

所欲害身者念彼 觀音 力 還著於本人

**Sở dục hại thân giả. Niệm bử Quan Âm lực.**

**Hoàn trước ư bản nhân.**

**Vì muốn hại thân người. Nhớ lực Quan Âm đó. Trở lại người như trước.**

或遇惡 羅刹 毒龍諸鬼等念彼 觀音 力

**Hoặc ngộ ác La Sát . Độc Long chư Quỷ đẳng. Niệm bử Quan Âm lực.**

**Hoặc gặp La Sát ác. Rồng dữ và các Quỷ. Nhớ lực Quan Âm đó.**

時悉不敢害若惡獸圍繞利牙爪可怖

**Thời tất bất cảm hại. Nhược ác thú vi nhiều. Lợi nha trảo khả bố.**

**Thời đều không dám hại. Nếu thú dữ bao vây. Dùng răng vượt khủng bố.**

念彼 觀音 力 疾走無邊方 虵蛇及蝮蠍

**Niệm bử Quan Âm lực. Tất tẩu vô biên phương. Nguyên xà cập phúc hiết.**

**Nhớ lực Quan Âm đó. Chạy nhanh đi nơi khác. Hổ mang và bò cạp.**

氣毒煙火然念彼觀音力尋聲自迴去

**Khí độc yên hỏa nhiên. Niệm bử Quan Âm lực. Tầm thanh tự hồi khứ.**

**Khí độc và khói lửa. Nhớ lực Quan Âm đó. Theo âm tự trở lại.**

雲雷鼓掣電降雹澍大雨念彼觀音力

**Vân lôi cổ xiết điện. Giáng bạc chú đại vũ. Niệm bử Quan Âm lực.**

**Mưa gió và sấm sét. Giáng trận mưa đá lớn. Nhớ lực Quan Âm đó.**

應時得消散衆生被困厄無量苦逼身

**Ứng thời đắc tiêu tán. Chúng sinh bị khốn ách. Vô lượng khổ bức thân.**

**Hợp thời được tiêu tan. Chúng sinh bị khốn ách. Vô lượng khổ ép thân.**

觀音妙智力能救世間苦具足神通力

**Quan Âm diệu Trí lực. Năng cứu Thế gian khổ. Cụ túc Thân thông lực.**

**Lực diệu Trí Quan Âm. Hay cứu khổ Thế gian. Đầy đủ lực Thân thông.**

廣修智方便 十方諸國土 無刹不現身

**Quảng tu Trí Phương tiện. Thập phương  
chư Quốc thổ. Vô sát bất hiện thân.**

**Rộng tu Trí Phương tiện. Các Đất nước  
mười phương. Mọi lúc đều hiện thân.**

種種諸惡趣 地獄鬼畜生生老病死苦

**Chủng chủng chư ác thú. Địa ngục Quỷ  
Súc sinh. Sinh lão bệnh tử khổ.**

**Đủ loại các Đạo ác. Địa ngục Quỷ súc  
sinh. Khổ sinh già bệnh chết.**

以漸悉令滅 真觀清淨觀 廣大智慧觀

**Dĩ tiệm tất linh diệt. Chân quan Thanh  
tịnh quan. Quảng đại Trí tuệ quan.**

**Giúp dần tiêu diệt hết. Xem đúng xem  
Thanh tịnh. Xem Trí tuệ rộng lớn.**

悲觀及慈觀 常願常瞻仰 無垢清淨光

**Bi quan cập Từ quan. Thường nguyện  
thường chiêm ngưỡng. Vô cấu Thanh tịnh  
quang.**

**Thấy Thương và thấy Lành. Thường  
nguyện thường chiêm ngưỡng. Quang  
Thanh tịnh không bản.**

慧日破諸闇 能伏災風火 普明照世間

**Tuệ nhật phá chư ám. Năng phục tai phong hỏa. Phổ minh chiếu Thế gian.**

**Ánh Tuệ phá các tối. Hàng phục tai phong hỏa (đói khát. chiến tranh. bệnh dịch).**

**Chiếu sáng khắp Thế gian.**

悲體戒雷震 慈意妙大雲 澍甘露法雨

**Bi Thế giới lôi chấn. Từ ý diệu đại vân.**

**Chú Cam lộ Pháp vũ.**

**Thương sấm động Giới hình. Ý Lành mây đẹp lớn. Thấm mưa Pháp Giới sạch.**

滅除煩惱 燄諍訟經官處 怖畏軍陣中

**Diệt trừ Phiền não diễm. Tranh tụng kinh quan xử. Bồ úy quân trận trung.**

**Diệt trừ lửa Phiền não. Tranh cãi nơi quan trường. Hỏang sợ nơi chiến trận.**

念彼觀音 力衆怨悉退散 妙音觀世音

**Niệm bử Quan Âm lực. Chúng oán tất thoái tán. Diệu Âm Quan Thế Âm.**

**Nhớ lực Quan Âm đó. Các oán đều tan biến. Diệu Âm, Quan Thế Âm.**



梵音海潮音勝彼世間音是故須常念

**Phạn âm hải triều âm. Thắng bỉ Thế gian âm. Thị cố tu thường niệm.**

**Âm Phạn, âm thủy triều. Thắng âm Thế gian đó. Vì thế nên thường nhớ.**

念念勿生疑 觀世音淨聖於苦惱死厄

**Niệm niệm vật sinh nghi. Quan Thế Âm tịnh Thánh. Ư khổ não tử ách.**

**Nhớ mãi đừng sinh nghi. Quan Thế Âm Thánh sạch. Với khổ não nạn chết.**

能爲作依怙 具一切功德慈眼視衆生

**Năng vị tác y hỗ. Cụ nhất thiết công Đức. Từ nhân thị chúng sinh.**

**Hay vì làm giá đỡ. Đủ tất cả công Đức. Mắt Từ nhìn chúng sinh.**

福聚海無量是故應頂禮

**Phúc tụ hải vô lượng. Thị cố ưng đĩnh lễ. Phúc tụ nhiều như biển. Vì thế nên đĩnh lễ.**

爾時持地菩薩，即從座起，前白佛言：世尊！

若有衆生，聞是觀世音菩薩品自在之業。

**Nhĩ thời Trì địa Bồ Tát, tức tòng tòa khởi,**

tiền bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Nhược hữu chúng sinh, văn thị Quan Thế Âm Bồ Tát phẩm Tự tại chi Nghiệp.

Lúc đó Trì Địa Bồ Tát, tức thời rời chỗ ngồi, tiến lên phía trước báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh, nghe phẩm Quan Thế Âm Bồ Tát Nghiệp được Tự do.

普門示現 神通力 者,

當知是人功德不少。佛說是普門品時。

Phổ môn thị hiện Thân thông lực giả, đương tri thị Nhân công Đức bất thiếu.

Phật thuyết thị Phổ môn phẩm thời.

Môn rộng khắp tỏ ra rõ lực Thân thông, nên biết công Đức của người đó không ít.

Khi Phật nói phẩm Môn rộng khắp đó.

衆中八萬四千衆生, 皆發 無等等 阿耨多羅三藐三菩提心。

Chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sinh, giai phát Vô đẳng đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

Tám vạn bốn nghìn chúng sinh trong số

**Chúng, đều phát tâm siêu bình đẳng A  
Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

妙法蓮華經陀羅尼品第二十六

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Đà La Ni phẩm  
đệ nhị thập lục.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 26 Đà  
La Ni.**

爾時藥王菩薩，即從座起，偏袒右肩合掌向佛，  
而白佛言：

**Nhĩ thời Dược Vương Bồ Tát, tức tòng tòa  
khởi, thiên đản hữu kiên, hợp chưởng  
hướng Phật nhi bạch Phật ngôn :**

**Lúc đó Dược Vương Bồ Tát, liền từ chỗ  
ngồi đứng dậy, vai phải áo lệch, chắp tay  
hướng về Phật và báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！若善男子，善女人，有能受持法華經者，  
若讀誦通利，若書寫經卷，得幾所福。

**Thế Tôn ! Nhược thiện nam tử, thiện nữ  
nhân, hữu năng thụ trì Pháp Hoa Kinh giả,**

nhược đọc tụng thông lợi, nhược thư tả Kinh quyển, đặc ký sở Phúc ?

**Thế Tôn ! Nếu người nam thiện, người nữ thiện, có thể nhận giữ Kinh Pháp Hoa đó, hoặc đọc tụng thông suốt, hoặc viết chép quyển Kinh, được bao nhiêu Phúc ?**

佛告藥王。若有善男子,善女人,供養八百萬億那由他恒河沙等諸佛。

**Phật cáo Dược Vương. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dưỡng bát bách vạn ức Na do tha Hằng hà sa đảnh chư Phật.**

**Phật bảo Dược Vương. Nếu có người nam thiện, người nữ thiện, cúng dưỡng tám trăm vạn trăm triệu Na do tha Hằng hà sa các Phật.**

於汝意云何？其所得福寧為多不？甚多！世尊。  
佛言：

**Ư Nhữ ý vân hà ? Kỳ sở đặc Phúc ninh vi đa phủ ? Thậm đa ! Thế Tôn ! Phật ngôn : Ý Ngài thế nào ? Dược Phúc của họ chắc**

**là nhiều phải không ? Rất nhiều ! Thế Tôn ! Phật nói rằng :**

若善男子,善女人,能於是經,乃至受持一四句偈,讀誦解義,如說修行,功德甚多。

**Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng ư thị Kinh, nãi chí thụ trì nhất tứ câu kệ, đọc tụng giải nghĩa, như thuyết tu hành, công Đức thậm đa.**

**Nếu người nam thiện, người nữ thiện hay với Kinh đó, thậm chí nhận giữ một bốn câu kệ, đọc tụng hiểu nghĩa, như nói tu hành, công Đức rất nhiều.**

爾時藥王菩薩白佛言：世尊！我今當與說法者陀羅尼咒，以守護之，即說咒曰：

**Nhĩ thời Dược Vương Bồ Tát bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã kim đương dĩ thuyết Pháp giả Đà La Ni Chú, dĩ thủ hộ chi, tức thuyết Chú viết :**

**Lúc đó Dược Vương Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Nay Con cần dùng Chú Đà La Ni cho người nói Pháp, dùng giúp bảo vệ, tức thời đọc Chú nói rằng :**

安爾。曼爾。摩禰。摩摩禰。旨隸。遮梨第。賒咩。  
。賒履多瑋。羶帝。

**An nhĩ. Mạn nhĩ. Ma nễ. Ma ma nễ. Chỉ lệ.  
Già lệ đệ. Xa mị. Xa lý đa vĩ. Thiện đế.**

目帝。目多履。娑履。阿瑋娑履。桑履。娑履。又  
裔。阿又裔。阿耆膩。

**Mục đế. Mục đa lý. Sa lý. A vĩ xa lý. Tang  
lý. Sa lý. Xoa duệ. A xoa duệ. A kỳ nhị.**

羶帝。賒履。陀羅尼

。阿盧伽娑娑簸蔗毘叉膩。禰毘剃。

**Thiện đế. Xa lý. Đà La Ni. A lô già bà sa  
bá giá tì xoa nhị. Nễ tì thế.**

阿便哆邏禰履剃。阿亶哆波隸輸地。溫究隸。牟究  
隸。阿羅隸。波羅隸。

**A tiện đa la nễ lý thế. A đản đa ba lệ du  
địa. Âu cứu lệ. Mâu cứu lệ. A la lệ. Ba la  
lệ.**

首迦差。阿三磨三履。佛陀

毘吉利[𠂇/失/(衣,𠂇)]帝。達磨波利差帝。

**Thủ ca sai. A tam ma tam lý. Phật đà tì cát  
lị chỉ đế. Đạt ma ba lị sai đế.**

僧伽涅槃沙禰。婆舍婆舍輸地。曼哆邏。

**Tăng già niết cụ sa nễ. Bà xá bà xá du địa.  
Mạn đa la.**

曼哆邏叉夜多。郵樓哆。郵樓哆憍舍略。惡叉  
邏。惡叉冶多冶。

**Mạn đa la xoa dạ đa. Bư lâu đa. Bư lâu  
đa kiêu xá lược. Ác xoa la. Ác xoa dã đa  
dã.**

阿婆盧。阿摩若那多夜。

**A bà lư. A ma nhược na đa dạ.**

世尊！是陀羅尼神咒，  
六十二億恒河沙等諸佛所說，若有侵毀此法師者，  
則為侵毀是諸佛已。

**Thế Tôn ! Thị Đà La Ni Thần chú, lục thập  
nhị ức Hằng hà sa đảnh chư Phật sở  
thuyết, nhược hữu xâm hủy thử Pháp sư  
giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.**

**Thế Tôn ! Thần chú Đà La Ni đó, được sáu  
mười hai trăm triệu Hằng hà sa các Phật  
nói, nếu có xâm hủy Thầy Pháp đó, chắc  
là đã xâm hủy các Phật đó.**

時釋迦牟尼佛，讚藥王菩薩言：善哉，善哉！藥王  
！汝愍念擁護此法師故，說是陀羅尼，



於諸眾生多所饒益。

**Thời Thích Ca Mâu Ni Phật tán Dục Vương Bồ Tát ngôn : Thiện tai, thiện tai ! Dục Vương ! Nhữ mẫn niệm ủng hộ thử Pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni, ư chư chúng sinh đa sở nhiều ích.**

**Thời Thích Ca Mâu Ni Phật khen ngợi Dục Vương Bồ Tát nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Dục Vương ! Ngài vì thương nhớ ủng hộ Thầy pháp này, nói Đà La Ni đó, với các chúng sinh được nhiều lợi ích.**

爾時勇施 菩薩 白佛言 : 世尊 !

我亦爲擁護讀誦受持法華經者, 說陀羅尼。

**Nhĩ thời Dũng Thí Bồ Tát bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã diệc vị ủng hộ độc tụng thụ trì Pháp Hoa Kinh giả, thuyết Đà La Ni.**

**Lúc đó Dũng Thí Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Con cũng vì ủng hộ người nhận giữ đọc tụng Kinh Pháp Hoa, nói Đà La Ni.**

若此法師得是陀羅尼, 若夜叉, 若羅刹, 若富單那, 若吉蔗, 若鳩槃荼, 若餓鬼等。

Nhược thử Pháp sư đắc thị Đà La Ni,  
nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Phú  
Đan Na, nhược Cát Giá, nhược Cưu Bàn  
Đồ, nhược Nga quý đẳng.

Nếu Thầy pháp này được Đà La Ni đó,  
hoặc Dạ Xoa, hoặc La Sát, hoặc Phú Đan  
Na, hoặc Cát Giá, hoặc Cưu Bàn Đồ, hoặc  
Quý đỏi.

伺求其短無能得便。即於佛前而說咒曰：

Tứ câu kỳ đoản, vô năng đắc tiện. Tức ư  
Phật tiền nhi thuyết Chú viết：

Rình mò tìm thiếu sót của Thầy pháp đó,  
không thể đạt được. Tức thời ở trước Phật  
mà đọc Chú nói rằng：

唵隸。摩訶唵隸。郁枳。目枳。阿  
隸。阿羅婆第。涅槃第。涅槃多婆第。

Tòa lệ. Ma ha tòa lệ. Úc chỉ. Mục chỉ. A lệ.  
A la bà đệ. Niết lệ đệ. Niết lệ đa bà đệ.

伊緻柅。韋緻柅。旨緻柅。涅槃墀柅。涅槃墀婆底  
。

Úc trí nễ. Vi trí nễ. Chỉ trí nễ. Niết lệ trì nễ.  
Niết lệ trì bà để.

世尊！是陀羅尼神咒，恒河沙等諸佛所說，亦皆隨喜，若有侵毀此法師者，則爲侵毀是諸佛已。

**Thế Tôn ! Thị Đà La Ni Thần chú, Hằng hà sa đấng chư Phật sở thuyết, diệc giai tùy hỉ, nhược hữu xâm hủy thử Pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.**

**Thế Tôn ! Thần chú Đà La Ni đó, được Hằng hà sa các Phật nói, cũng đều vui theo, nếu có xâm hủy Thầy pháp này, chắc là đã xâm hủy các Phật đó.**

爾時毘沙門天王護世者，白佛言：世尊！

我亦爲愍念眾生，擁護此法師故，說是陀羅尼。即說咒曰：

**Nhĩ thời Tì Sa Môn Thiên vương hộ thế giả, bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã diệc vị mãn niệm chúng sinh, ủng hộ thử Pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni. Tức thuyết Chú viết :**

**Lúc đó Vua Trời Tì Sa Môn giúp đỡ Thế gian, báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Con cũng vì thương nhớ chúng sinh, cho**

**nên giúp đỡ Thầy pháp này, đọc Đà La Ni đó. Tức thời đọc Chú nói rằng :**

阿梨。那梨。[少/(兔,、)]那梨。阿那盧。那履。拘那履。

**A lệ. Na lệ. Nậu na lệ. A na lư. Na lý. Câu na lý.**

世尊！以是神咒擁護法師

。我亦自當擁護持是經者，令百由旬內無諸衰患。

**Thế Tôn ! Dĩ thị Thần chú ủng hộ Pháp sư.**

**Ngã diệc tự đương ủng hộ trì thị Kinh giả, linh bách Do tuần nội vô chư suy hoạn.**

**Thế Tôn ! Dùng Thần chú đó ủng hộ Thầy pháp. Con cũng tự đang ủng hộ người giữ Kinh đó, giúp cho trong vòng hai nghìn cây số không có suy hoạn.**

爾時持國天王在此會中，與千萬億那由他乾闥婆眾，恭敬圍繞，前詣佛所，合掌白佛言：

**Nhĩ thời Trì Quốc Thiên vương tại thử Hội trung, dĩ thiên vạn Na do tha Kiền Thát Bà chúng, cung kính vi nhiều, tiền nghệ Phật sở, hợp chưởng bạch Phật ngôn :**

**Lúc đó Vua Trời Trì Quốc ở trong Hội này,**

**cùng với nghìn vạn Na do tha Kiên Tát Bà, cung kính vây quanh, tới trước nơi ở của Phật, chắp tay báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！我亦以 陀羅尼 神咒，擁護持 法華經者。即說咒曰：

**Thế Tôn ! Ngã diệc dĩ Đà La Ni Thần chú, ủng hộ trì Pháp Hoa Kinh giả. Tức thuyết chú viết :**

**Thế Tôn ! Con cũng dùng Thần chú Đà La Ni, ủng hộ người giữ Kinh Pháp Hoa. Tức thời đọc Chú nói rằng :**

阿伽禰。伽禰。瞿利。乾陀利。旃陀利。摩蹬耆。常求利。浮樓莎柅。頰底。

**A già nễ. Già nễ. Cự lệ. Kiên Đà lệ. Chiên đà lệ. Ma đăng kỳ. Thường cứu lệ. Phù lâu sa nễ. Át để.**

世尊！是陀羅尼神咒，四十二億諸佛所說，若有侵毀此法師者，則為侵毀是諸佛已。

**Thế Tôn ! Thị Đà La Ni Thần chú, tứ thập nhị ức chư Phật sở thuyết, nhược hữu xâm hủy thử Pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.**

**Thế Tôn ! Thần chú Đà La Ni đó, được bốn mươi hai trăm triệu Phật nói, nếu có xâm hủy Thầy pháp này, chắc là đã xâm hủy các Phật đó.**

爾時有 羅刹 女等 : 一名藍婆, 二名毘藍婆, 三名曲齒, 四名華齒, 五名黑齒。

**Nhĩ thời hữu La Sát nữ đẳng : Nhất danh Lam Bà, nhị danh Tì Lam Bà, tam danh Khúc Xỉ, tứ danh Hoa Xỉ, ngũ danh Hắc Xỉ.**

**Lúc đó có các nữ La Sát : Một tên là Lam Bà, hai tên là Tì Lam Bà, ba tên là Khúc Xỉ, bốn tên là Hoa Xỉ, năm tên là Hắc Xỉ.**

六名多髮, 七名無厭足, 八名持瓔珞, 九名皋帝, 十名奪一切眾生精氣。

**Lục danh Đa Phát, thất danh Vô Yếm Túc, bát danh Trì Anh Lạc, cửu danh Cao Đế, thập danh Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí.**

**Sáu tên là Đa Phát, bảy tên là Vô Yếm Túc, tám tên là Trì Anh Lạc, chín tên là Cao Đế, mười tên là Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí.**

是十羅刹女，與鬼子母，并其子及眷屬，俱詣佛所，  
同聲白佛言：

**Thị thập La Sát nữ, dữ Quỷ tử Mẫu, tịnh kỳ tử cập quyến thuộc, câu nghệ Phật sở, đồng thanh bạch Phật ngôn :**

**Mười nữ La Sát đó và mẹ con Quỷ, gồm con của họ và quyến thuộc, đều tới nơi ở của Phật, đồng thanh báo cáo Phật nói rằng :**

世尊!我等亦欲擁護讀誦,受持法華經者,除其衰患,若有伺求法師短者,令不得便。即於佛前而說咒曰：

**Thế Tôn ! Ngã đẳng diệc dục ủng hộ đọc tụng, thụ trì Pháp Hoa Kinh giả, trừ kỳ suy hoạn, nhược hữu tứ cầu Pháp sư đoản giả, linh bất đắc tiện. Túc ư Phật tiền nhi thuyết Chú viết :**

**Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn ủng hộ người nhận giữ đọc tụng Kinh Pháp Hoa, trừ bỏ suy hoạn của họ, nếu có rình mò tìm kiếm sự thiếu sót của Thầy pháp, làm cho không thực hiện được. Túc thời ở trước Phật mà đọc Chú nói rằng :**



伊提履。伊提泯。伊提履。阿提履。伊提履。泥履。  
。泥履。泥履。泥履。泥履。

**Y đề lý. Y đề mẫu. Y đề lý. A đề lý. Y đề  
lý. Nê lý. Nê lý. Nê lý. Nê lý. Nê lý.**

樓醯。樓醯。樓醯。樓醯。多醯。多醯。多醯。兜  
醯。[少/(兔,、)]醯。

**Lâu ê. Lâu ê. Lâu ê. Lâu ê. Đa ê. Đa ê. Đa  
ê. Đâu ê. Nậu ê.**

寧上我頭上,莫惱於法師,若夜叉,若羅刹,若  
餓鬼,若富單那,若吉蔗。

**Ninh thượng Ngã đầu thượng, mạc nào ư  
Pháp sư, nhược Dạ Xoa, nhược La Sát,  
nhược Ngạ quỷ, nhược Phú Đan Na, nhược  
Cát Giá.**

**Chắc chắn trong đầu con, không nào loạn  
Thầy Pháp, hoặc Dạ Xoa, hoặc La Sát,  
hoặc Quỷ đói, hoặc Phú Đan Na, hoặc Cát  
Giá.**

若毘陀羅,若犍馱,若烏摩勒伽,若阿跋摩羅,若夜叉  
吉蔗,若人吉蔗。

**Nhược Tì Đà La, nhược Kiến Đà, nhược Ô  
Ma Lạc Già, nhược A Bạt Ma La, nhược Dạ**

**Xoa Cát Giá, nhược Nhân Cát Giá.**

**Hoặc Tì Đà La, hoặc Kiên Đà, hoặc Ô Ma Lặc Già, hoặc A Bạt Ma La, hoặc Dạ Xoa Cát Giá, hoặc Nhân Cát Giá.**

若熱病,

若一日,若二日,若三日,若四日,乃至七日,若常熱病

。

**Nhược nhiệt bệnh, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nãi chí thất nhật, nhược thường nhiệt bệnh.**

**Nếu bệnh nóng, là 1 ngày, là 2 ngày, là 3 ngày, là bốn ngày, thậm chí bảy ngày, hoặc bệnh nóng thường.**

若男形,若女形,若童男形,若童女形,乃至夢中,

亦復莫惱。即於佛前而說偈言：

**Nhược nam hình, nhược nữ hình, nhược đồng nam hình, nhược đồng nữ hình, nãi chí mộng trung, diệc phục mạc nã. Tức ư Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn：**

**Hoặc hình nam, hoặc hình nữ, hoặc hình cậu bé, hoặc hình cô bé, thậm chí trong**

**mộng, cũng không được nã loạn. Tức thời ở trước Phật mà đọc bài kệ nói rằng :**

若不順我呪 惱亂說法者 頭破作七分

**Nhược bất thuận Ngã Chú. Nã loạn thuyết Pháp giả. Đầu phá tác thất phân.**

**Nếu không theo Chú của Ta. Nã loạn người nói Pháp. Đầu phá làm bảy phân.**

如阿梨樹枝 如殺父母罪 亦如壓油殃

**Như A lê thụ chi. Như sát Phụ mẫu tội.**

**Diệt như áp du ương.**

**Như cành cây A lê. Như tội giết Cha mẹ.**

**Như tai ương vạc dầu.**

斗秤欺誑人 調達破僧罪 犯此法師者

**Đấu xứng khi cuông Nhân. Điều đạt phá Tăng tội. Phạm thử Pháp sư giả.**

**Lừa đảo đấu tố người. Tội đạt điều phá Tăng. Xâm phạm Thầy pháp đó.**

當獲如是殃

**Đương hoạch như thị ương.**

**Đang được hại như thế.**

諸羅刹女說此偈已, 白佛言: 世尊!

我等亦當身自擁護受持, 讀誦修行是經者。

**Chư La Sát nữ thuyết thử kệ dĩ, bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã đẳng diệc đương thân tự ủng hộ thụ trì, độc tụng tu hành thi Kinh giả.**

**Các nữ La Sát đọc bài kệ này xong, báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Chúng con cũng đang tự thân ủng hộ người nhận giữ, đọc tụng, tu hành Kinh đó.**

令得安穩, 離諸衰患, 消眾毒藥。佛告諸 羅刹女。

**Linh đắc an ổn, ly chư suy hoạn, tiêu chúng độc dược. Phật cáo chư La Sát nữ. Giúp được yên ổn, rời các suy hoạn, tiêu các thuốc độc. Phật bảo các nữ La Sát.**

善哉, 善哉 ! 汝等但能擁護受持 法華

名者。福不可量, 何況擁護具足受持

**Thiện tai, thiện tai ! Nhữ đẳng dẫn năng ủng hộ thụ trì Pháp Hoa danh giả. Phúc bất khả lượng, hà huống ủng hộ cụ túc thụ trì.**

**Thiện thay, thiện thay ! Các Ngài chỉ hay ủng hộ người nhận giữ tên Kinh Pháp Hoa.**

**Phúc không thể đo lường, huống chi ủng hộ người nhận giữ đầy đủ.**

供養經卷, 華香, 瓔珞, 末香, 塗香, 燒香, 幡蓋, 伎樂, 燃種種燈, 酥燈, 油燈, 諸香油燈。

**Cúng dưỡng Kinh quyển, hoa hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, phan cái, kĩ nhạc, nhiên chủng chủng đăng, tô đăng, du đăng, chư hương du đăng.**

**Cúng dưỡng quyển Kinh, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt, phướn lọng, kĩ nhạc, đốt các loại đèn, đèn nến, đèn dầu, các đèn dầu thơm.**

蘇摩那華油燈, 瞻蔔華油燈 婆師迦

華油燈, 優鉢羅華油燈, 如是等百千種供養者。

**Tô ma na hoa du đăng, Đam bạc hoa du đăng, Bà sư ca hoa du đăng, Ưu bát la hoa du đăng, như thị đẳng bách thiên chủng cúng dưỡng giả.**

**Đèn dầu hoa Tô ma na, đèn dầu hoa Đam bạc, đèn dầu hoa Bà sư ca, đèn dầu hoa**

**hoa Sen xanh, như thế cùng với trăm nghìn loại cúng dưỡng.**

皋帝！汝等及眷屬，應當擁護如是法師。說是陀羅尼品時，六萬八千人，得無生法忍。

**Cao Đế ! Nhữ đẳng cập quyến thuộc, ứng đương ủng hộ như thị Pháp sư. Thuyết thị Đà La Ni chú phẩm thời, lục vạn bát thiên nhân, đắc Vô sinh Pháp nhẫn.**

**Cao Đế ! Các Ngài và quyến thuộc, cần phải ủng hộ Thầy pháp như thế. Lúc nói phẩm Chú Đà La Ni đó, sáu vạn tám nghìn người, được Pháp nhẫn Không sinh.**

妙法蓮華經妙莊嚴王本事品第二十七。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Diệu Trang Nghiêm Vương bản sự phẩm đệ nhị thập thất.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 27  
Việc trước kia của Vua Diệu Trang  
Nghiem.**

爾時佛告諸大眾。乃往古世，過無量無邊不可思議阿僧祇劫，有佛名雲雷音宿王華智，多陀阿伽度，阿羅訶，三藐三佛陀。

**Nhĩ thời Phật cáo chư Đại chúng. Nãi vãng cổ thể, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị A tăng kì Kiếp, hữu Phật danh Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, Đa đà A già độ, A la ha, Tam miệu tam Phật Đà.**

**Lúc đó Phật bảo các Đại Chúng. Trở lại thời xa xưa, qua vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn A tăng kì Kiếp, có Phật tên Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, Đa đà A già độ, A la ha, Tam miệu tam Phật Đà.**

國名光明莊嚴,劫名喜見。彼佛法中,有王名妙莊嚴。

**Quốc danh Quang minh trang Nghiêm, Kiếp danh Hỉ kiến. Bỉ Phật Pháp trung, hữu Vương danh Diệu Trang Nghiêm.**

**Tên nước là Quang Minh Trang Nghiêm, tên Kiếp là Hỉ Kiến. Trong Pháp Phật đó, có Vua tên Diệu Trang Nghiêm.**



其王夫人，名曰淨德，有二子：  
一名淨藏，二名淨眼。

**Kỳ Vương Phu nhân, danh viết Tịnh Đức,  
hữu nhị tử : Nhất danh Tịnh Tạng, nhị  
danh Tịnh Nhân.**

**Phu nhân của Vua đó tên là Tịnh Đức, có  
hai con trai : Một tên là Tịnh Tạng, hai tên  
là Tịnh Nhân.**

是二子有 大神力，福德智慧，久修菩薩 所行之道，  
所謂 檀波羅蜜 尸羅波羅蜜。

**Thị nhị tử hữu đại Thần lực, Phúc Đức Trí  
tuệ, cứu tu BỒ Tát sở hành chi Đạo, sở vị  
Đàn Ba La Mật, Thi la Ba La Mật,  
Hai người con đó có Thần lực lớn, Phúc  
Đức Trí tuệ, đã lâu tu hành Đạo BỒ Tát,  
gọi là : Bồ thí Tới Niết Bàn, Giữ Giới tới  
Niết Bàn.**

羼提 波羅蜜 毘梨耶波羅蜜 禪波羅蜜 般若波羅蜜  
方便波羅蜜。

**Sạn đề Ba La Mật, Tì ly da Ba La Mật,  
Thiên Ba La Mật, Bát nhã Ba La Mật,  
Phương tiện Ba La Mật.**

**Nhẫn nhục tới Niết Bàn, Tinh tiến tới Niết Bàn, Thiền tới Niết Bàn, Trí tuệ tới Niết Bàn, Phương tiện tới Niết Bàn.**

慈悲喜捨, 乃至三十七品助 道法,  
皆悉明了通達。又得菩薩淨 三昧  
, 日星宿三昧, 淨光三昧,

**Từ Bi Hỉ Xả, nãi chí tam thập thất phẩm trợ Đạo Pháp, giai tất minh liễu thông đạt. Hựu đắc Bồ Tát Tịnh Tam muội, Nhật tinh tú Tam muội, Tịnh quang Tam muội, Từ Bi Hỉ Xả, thậm chí ba mươi bảy phẩm trợ Đạo Pháp, đều cùng thông suốt hiểu rõ. Lại được Tam muội Thanh tịnh, Tam muội mặt Trời sao đêm ( Trí thực như mặt Trời, quyền Trí như sao đêm), Tam muội ánh quang Thanh tịnh (phóng Quang sáng).**

淨色 三昧, 淨照明三昧, 長莊嚴三昧大威德 藏三昧,  
於此三昧, 亦悉通達。

**Tịnh sắc Tam muội, Tịnh chiếu minh Tam muội, Trường trang nghiêm Tam muội, Đại uy Đức tạng Tam muội, ư thử Tam**

**muội, diệc tất thông đạt.**

**Tam muội Sắc thân Thanh tịnh (hiện ra Sắc thân Thanh tịnh), Tam muội chiếu sáng sạch (dùng Trí tuệ chiếu rõ các tướng Pháp), Tam muội trang nghiêm dài (hiện các Pháp tướng lâu dài), Tam muội tạng uy Đức lớn (dùng Trí tuệ, lực uy Đức tự lợi mình lợi người) của Bồ Tát, với các Tam muội đó, cũng đều thông tỏ.**

爾時彼佛，欲引導 妙莊嚴王，及愍念眾生故，說是法華經。時淨藏，淨眼二子，到其母所，合十指爪掌白言：

**Nhĩ thời bĩ Phật, dục dẫn đạo Diệu Trang Nghiêm Vương, cập mẫn niệm chúng sinh cố, thuyết thị Pháp Hoa Kinh. Thời Tịnh Tạng, Tịnh Nhân nhị tử, đáo kỳ Mẫu sở, hợp thập chỉ trảo chưởng bạch ngôn :**

**Khi đó Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật muốn dẫn dắt Vua Diệu Trang Nghiêm cùng với do thương nhớ chúng sinh, nói Kinh Pháp Hoa đó. Thời 2 con trai Tịnh**

**Tạng, Tịnh Nhãn, tới nơi ở của mẹ họ, chấp 10 ngón tay báo cáo nói rằng :**

願母往詣雲雷音宿王華智佛所，  
我等亦當侍從親近供養禮拜。所以者何？

**Nguyện Mẫu vãng nghê Vân Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí Phật sở, Ngã đẳng diệc đương thị tòng thân cận, cúng dưỡng lễ bái. Sở dĩ giả hà ?**

**Nguyện Mẹ đi tới nơi ở của Vân Lôì Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, chúng con cũng đang thân thiết trợ giúp đi theo, cúng dưỡng lễ bái. Sở dĩ thế nào ?**

此佛於一切天人眾中，說法華經，  
宜應聽受。母告子言：汝父信受外道，深著  
婆羅門法，汝等應往白父，與共俱去。

**Thử Phật ư nhất thiết Thiên nhân chúng trung, thuyết Pháp Hoa Kinh, nghi ưng thính thụ. Mẫu cáo tử ngôn : Nhữ Phụ tín thụ ngoại Đạo, thâm trước Bà La Môn Pháp, Nhữ đẳng ưng vãng bạch Phụ, dữ cộng câu khứ.**

**Phật này ở trong tất cả người Trời, nói**

**Kinh Pháp Hoa, nên cần nghe nhận. Mẹ bảo con trai nói rằng : Cha các con tin vào ngoài Đạo, nương nhờ thâm sâu Pháp Bà La Môn, các con nên tới báo cáo với Cha và cùng nhau đi.**

淨藏,淨眼 合十指爪掌白母。我等是法王子,而生此邪見家。母告子言 :

**Tịnh Tạng, Tịnh Nhân, hợp thập chỉ thảo chưởng bạch Mẫu. Ngã đẳng thị Pháp vương tử, nhi sinh thử tà kiến gia. Mẫu cáo tử ngôn :**

**Tịnh Tạng, Tịnh Nhân chấp 10 ngón tay báo cáo Mẹ. Chúng con là con trai Vua Pháp mà sinh trong gia đình thấy sai trái này. Mẹ bảo con trai nói rằng :**

汝等當憂念汝父,爲現神變,若得見者,心必清淨,或聽我等往至佛所。

**Nhữ đẳng đương ưu niệm Nhữ Phụ, vi hiện Thần biến, nhược đắc kiến giả, tâm tất Thanh tịnh, hoặc thính Ngã đẳng vãng chí Phật sở.**

**Các con đang lo nghĩ về Cha các con, hay**

**hiện ra Thần biến nếu được thấy nó, tâm nhất định Thanh tịnh, có lẽ nghe Chúng ta đi tới nơi ở của Phật.**

於是二子念其父故，踊在虛空，高七多羅樹，現種種神變於虛空中，行住坐臥，身上出水，身下出火。

**Ư thị nhị tử niệm kỳ Phụ cố, dũng tại hư không, cao thất Đa la thụ, hiện chủng chủng Thần biến ư hư không trung, hành trụ tọa ngọa, thân thượng xuất thủy, thân hạ xuất hỏa.**

**Khi đó hai con trai do nghĩ về Cha họ, bay lên khoảng không, cao bằng 7 cây Đa la, hiện ra các loại Thần biến ở trong khoảng không, đi đứng ngồi nằm, thân phía trên phun nước, thân phía dưới sinh lửa.**

身下出水，身上出火。或現大身滿虛空中，而復現小，小復現大。於空中滅，忽然在地。

**Thân hạ xuất thủy, thân thượng xuất hỏa. Hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, nhi phục hiện tiểu, tiểu phục hiện đại. Ư không trung diệt, hốt nhiên tại địa.**

**Thân phía dưới sinh nước, thân phía trên sinh lửa. Hoặc hiện thân lớn tràn đầy không gian và lại thu nhỏ, nhỏ lại hiện lớn. Biến mất ở trong không trung, đột nhiên hiện trên đất.**

入地如水，履水如地。現如是等種種神變，令其父王心淨信解。

**Nhập địa như thủy, lý thủy như địa. Hiện như thị chủng chủng Thần biến, linh kỳ Phụ vương tâm Tịnh tín giải.**

**Vào đất như trong nước, ở trong nước như trên đất. Hiện ra đủ loại Thần biến như thế, giúp tâm của Vua Cha họ tin hiểu Thanh tịnh.**

時父見子神力如是，心大歡喜，得未曾有。合掌向子言：汝等師爲是誰？誰之弟子？二子白言：

**Thời Phụ kiến tử Thần lực như thị, tâm đại hoan hỉ, đắc vị tăng hữu. Hợp chưởng hướng tử ngôn : Nhữ đẳng Sư vi thị thùy ? Thùy chi Đệ tử ? Nhị tử bạch ngôn :**  
**Khi Cha thấy Thần lực của con như thế,**



tâm rất vui mừng được chưa từng có. Chắp tay hướng về hai con hỏi rằng : Thầy của các con là ai ? Đệ tử của ai ? Hai con báo cáo nói rằng :

大王！彼雲雷音宿王華智佛，今在七寶菩提樹下，法座上坐，於一切世間。

**Đại vương ! Bửu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, kim tại thất bảo Bồ Đề thụ hạ, Pháp tòa thượng tọa, ư nhất thiết Thế gian.**

**Vua lớn ! Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật đó, hiện nay ở dưới cây Bồ Đề bảy báu, ngồi trên tòa Pháp, với tất cả Thế gian.**

天，人眾中廣說法華經，是我等師，我是弟子。父語子言：我今亦欲見汝等師，可共俱往。

**Thiên, Nhân chúng trung, quảng thuyết Pháp Hoa Kinh, thị Ngã đẳng Sư, Ngã thị Đệ tử. Phụ ngữ tử ngôn : Ngã kim diệc dục kiến Nhữ đẳng Sư, khả cộng câu vãng.**

**Trong chúng Trời Người rộng nói Kinh**

**Pháp Hoa, là Thầy của chúng con, chúng con là Đệ tử. Cha bảo con nói rằng : Ta nay cũng muốn gặp Thầy của các con, có thể cùng nhau tới đó.**

於是二子從空中下, 到其母所, 合掌白母 :

父王今已信解, 堪任發阿耨多羅三藐三菩提心。

**Ư thị nhị tử tòng không trung hạ, đáo kỳ Mẫu sở, hợp chưởng bạch Mẫu : Phụ**

**Vương kim dĩ tín giải, kham nhậm phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.**

**Lúc đó hai người con từ trên không trung hạ xuống, tới nơi ở của Mẹ họ, chắp tay báo cáo Mẹ nói rằng : Vua Cha nay đã tin hiểu, chấp nhận phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

我等爲父已作佛事, 願母見聽, 於彼佛所,

出家修道。爾時二子欲重宣其義, 以偈白母 :

**Ngã đẳng vị Phụ dĩ tác Phật sự, nguyện Mẫu kiến thính, ư bỉ Phật sở, Xuất gia tu Đạo. Nhĩ thời nhị tử dục trùng tuyên thử nghĩa, dĩ kệ bạch Mẫu :**

**Chúng con vì Cha đã làm việc Phật,**

nguyện Mẹ nghe thấy ở nơi ở của Phật đó,  
Xuất gia tu Đạo. Lúc đó hai con muốn nói  
lại nghĩa này, dùng kệ báo cáo Mẹ nói  
rằng :

願母放我等 出家作沙門 諸佛甚難值

Nguyện Mẫu phóng Ngã đẳng. Xuất gia tác  
Sa Môn. Chư Phật thậm nan trực.

Nguyện Mẹ cho Chúng con. Xuất gia làm  
Sa Môn. Các Phật khó gặp ngay.

我等隨佛學 如優曇鉢羅 值佛復難是

Ngã đẳng tùy Phật học. Như Ưu đàm bát  
hoa. Trục Phật phục nan thị.

Chúng con theo Phật học. Như hoa Ưu  
đàm bát. Lại khó gặp ngay Phật.

脫諸難亦難 願聽我出家

Thoát chư nạn diệc nan. Nguyện thỉnh  
Ngã Xuất gia.

Thoát các nạn cũng khó. Nguyện nghe  
Con Xuất gia.

母即告言：聽汝出家。所以者何？

佛難值故。於是二子白父母言：

Mẫu tức cáo ngôn : Thỉnh Nhữ Xuất gia,

**Sở dĩ giả hà ? Phật nan trực cố. Ư thị nhị tử bạch Phụ mẫu ngôn :**

**Mẹ tức thời bảo rằng : Nghe Con Xuất gia.**

**Vì sao như thế ? Phật khó gặp trực tiếp.**

**Khi đó hai con báo cáo Cha mẹ nói rằng :**

善哉！父母！願時往詣雲雷音宿王華智佛所，  
親近供養。所以者何？

**Thiện tai ! Phụ mẫu ! Nguyên thời vãng  
nghệ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật  
sở, thân cận cúng dường. Sở dĩ giả hà ?**

**Thiện thay ! Cha mẹ ! Nay muốn đi tới nơi  
ở của Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật,  
thân thiết cúng dường. Sở dĩ thế nào ?**

佛難得值，如優曇鉢羅華，又如一眼之龜值浮木孔，  
而我等宿福深厚生值佛法。

**Phật nan đắc trực, như Ưu đàm bát la hoa,  
hựu như nhất nhĩn chi Quy trực phù mộc  
khổng, nhi Ngã đẳng túc Phúc thâm hậu,  
sinh trực Phật Pháp,**

**Phật khó gặp trực tiếp, như hoa Ưu đàm  
bát la, lại như con rùa một mắt chui vào lỗ**

**khúc gỗ trôi, mà chúng ta Phúc đời trước  
sâu dày, sinh trực tiếp trong Pháp Phật.**

是故父母當聽我等，令得出家。所以者何？

諸佛難值，時亦難遇。

**Thị cố Phụ mẫu đương thính Ngã đẳng,  
linh đắc Xuất gia. Sở dĩ giả hà ? Chư Phật  
nan trực, thời diệc nan ngộ.**

**Vì thế Cha mẹ mới nghe chúng con, giúp  
cho được Xuất gia. Sở dĩ thế nào ? Các  
Phật khó trực tiếp gặp, thời gian cũng khó  
gặp.**

彼時妙莊嚴王 後宮八萬四千人，

皆悉堪任受持是法華經。

**Bỉ thời Diệu Trang Nghiêm hậu cung bát  
vạn tứ thiên nhân, giai tất kham nhậm thụ  
trì thị Pháp Hoa Kinh.**

**Thời đó hậu cung tám vạn bốn nghìn  
người của Vua Diệu Trang Nghiêm, đều  
cùng kham chịu nhận giữ Kinh Pháp Hoa  
đó.**

淨眼 菩薩於 法華三昧，

久已通達。淨藏菩薩已於無量百千萬億劫。

**Tịnh Nhân Bồ Tát ư Pháp Hoa Tam muội, cứu dĩ thông đạt. Tịnh Tạng Bồ Tát dĩ ư vô lượng bách thiên vạn ức Kiếp.**

**Tịnh Nhân Bồ Tát với Tam muội Pháp Hoa, từ lâu đã thông suốt. Tịnh Tạng Bồ Tát đã ở trong vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu Kiếp.**

通達離諸 惡趣 三昧,

欲令一切眾生離諸惡趣故。其王夫人，得諸佛集三昧，能知諸佛祕密之藏。

**Thông đạt Ly chư ác thú Tam muội, dục linh nhất thiết chúng sinh ly chư ác thú cố. Kỳ Vương Phu nhân, đắc Chư Phật tập Tam muội, năng tri chư Phật bí mật chi tạng.**

**Thông suốt Tam muội rời các hướng tới ác, vì muốn giúp tất cả chúng sinh rời các hướng tới ác. Phu nhân của Vua đó, được Tam muội tập hợp của các Phật, hay biết tạng bí mật của các Phật.**

二子如是以方便力故，善化其父，令心信解，好樂佛法。

**Nhị tử như thị dĩ Phương tiện lực cố, thiện hóa kỳ Phụ, linh tâm tín giải, hiểu nhạo Phật Pháp.**

**Hai con do dùng lực Phương tiện như thế, thiện cảm hóa Cha họ. Giúp tâm tin hiểu, yêu thích Pháp Phật.**

於是妙莊嚴王與群臣眷屬俱，  
淨德夫人與後宮嫔女眷屬俱，  
其王二子與四萬二千人俱。

**Ư thị Diệu Trang Nghiêm Vương dĩ quần thần quyến thuộc câu, Tịnh Đức Phu nhân dĩ hậu cung thái nữ quyến thuộc câu, kỳ Vương nhị tử dĩ tứ vạn nhị thiên nhân câu.**

**Vì thế Vua Diệu Trang Nghiêm và quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức Phu nhân và hậu cung cung nữ quyến thuộc, hai con của Vua đó cùng với bốn vạn hai nghìn người đi theo.**

一時共詣佛所，到已頭面禮足，繞佛三匝，  
卻住一面。爾時彼佛為王說法，示教利喜，  
王大歡悅。



**Nhất thời cộng nghê Phật sở. Đáo dĩ, đầu diện lễ túc, nhiều Phật tam tạp, khước trụ nhất diện. Nhĩ thời Bỉ Phật vị Vương thuyết Pháp, thị giáo lợi hỉ, Vương đại hoan duyệt.**

**Cùng một lúc đều cùng tới nơi ở của Phật. Đến rồi phục đĩnh lễ chân, vòng quanh Phật ba lượt, lùi dừng ở một bên. Lúc đó Phật kia vì Vua nói Pháp, tỏ rõ dạy bảo lợi vui, Vua rất vui mừng.**

爾時 妙莊嚴王 及其夫人，解頸真珠瓔珞，價直百千，以散佛上，於虛空中。

**Nhĩ thời Diệu Trang Nghiêm Vương cập kỳ Phu nhân, giải cảnh chân châu anh lạc, giá trị bách thiên, dĩ tán Phật thượng, ư hư không trung.**

**Khi đó Vua Diệu Trang Nghiêm và Phu nhân này, tháo chuỗi trân châu treo trên cổ, giá trị trăm nghìn, dùng tung lên trên Phật, ở trong khoảng không.**

化成四柱寶臺，臺中有大寶床，敷百千萬天衣，其上有佛，結加趺坐，放大光明。

Hóa thành tứ trụ bảo đài, đài trung hữu đại bảo sàng, phu bách thiên vạn Thiên y, kỳ trung hữu Phật kết già phu tọa, phóng đại Quang minh.

Hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có một giường báu lớn, trăm nghìn vạn áo Trời trải lên, trên nó có Phật ngồi xếp bằng, phóng Quang sáng lớn.

爾時 妙莊嚴王 作是念。佛身希有，端嚴殊特，成就第一微妙之色。

Nhĩ thời Diệu Trang Nghiêm Vương tác thị niệm. Phật thân hi hữu, đoan nghiêm thù đặc, thành tự đệ nhất vi diệu chi sắc.

Lúc đó Vua Diệu Trang Nghiêm làm suy ngẫm đó. Thân Phật hiếm có, đoan nghiêm đặc biệt, thành công Sắc thân vi diệu đệ nhất.

時雲雷音宿王華智佛，告四眾言：汝等見是妙莊嚴王，於我前合掌立不？

Thời Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, cáo tứ Chúng ngôn : Nhữ đẳng kiến thị Diệu Trang Nghiêm Vương, ư Ngã tiền hợp

**chương lập phủ ?**

**Thời Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, bảo bốn Chúng nói rằng : Các Ngài thấy Vua Diệu Trang Nghiêm đó, chấp tay đứng trước Ta không ?**

此王於我法中作比丘，精勤修習助佛道法，當得作佛，號娑羅樹王。

**Thử Vương ư Ngã Pháp trung tác Tì Kheo, Tinh cần tu tập trợ Phật Đạo Pháp, đương đắc tác Phật, hiệu Sa La Thụ Vương.**

**Vua này làm Tì Kheo ở trong Pháp của Ta, Tinh siêng tu luyện trợ giúp Pháp Đạo Phật, đang được làm Phật, tên hiệu Sa La Thụ Vương.**

國名大光，劫名大高王。其娑羅樹王佛，有無量菩薩眾，及無量聲聞，其國平正，功德如是。

**Quốc danh Đại Quang, Kiếp danh Đại Cao Vương. Kỳ Sa La Thụ Vương Phật, hữu vô lượng Bồ Tát chúng, cập vô lượng Thanh Văn, kỳ Quốc bình chính, công Đức như thị.**

**Tên nước là Đại Quang, tên Kiếp là Đại**

**Cao Vương. Sa La Thụ Vương Phật đó, có vô lượng Bồ Tát và vô lượng Thanh Văn, Nước đó bằng phẳng, công Đức như thế.**

其王即時以國付弟，與夫人二子，并諸眷屬，於佛法中出家修道。

**Kỳ Vương tức thời dĩ Quốc phó đệ, dĩ Phu nhân nhị tử, tịnh chư quyến thuộc, ư Phật Pháp trung Xuất gia tu Đạo.**

**Vua đó tức thời đem Nước giao phó cho em, cùng với Phu nhân hai con, gồm các quyến thuộc, ở trong Pháp Phật Xuất gia tu Đạo.**

王出家已，於八萬四千歲，常勤精進修行妙法華經，過是已後，得一切淨功德莊嚴三昧。

**Vương Xuất gia dĩ, ư bát vạn tứ thiên tuế, thường cần Tinh tiến, tu hành Diệu Pháp Hoa Kinh, quá thị dĩ hậu, đắc Nhất thiết tịnh công Đức trang nghiêm Tam muội.**

**Vua Xuất gia rồi, trong tám vạn bốn nghìn năm, thường siêng Tinh tiến, tu hành Kinh Diệu Pháp Hoa, qua đó về sau được Tam**

**muội tất cả công Đức Thanh tịnh trang  
nghiêm.**

即昇虛空，高七多羅樹，而白佛言：世尊！  
此我二子已作佛事，以神通變化轉我邪心，  
令得安住於佛法中，得見世尊。

**Tức thăng hư không, cao thất Đa la thụ,  
nhi bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Thử Ngã  
nhị tử dĩ tác Phật sự, dĩ Thần thông biến  
hóa chuyển Ngã tà tâm, linh đắc an trụ ư  
Phật Pháp trung, đắc kiến Thế Tôn.**

**Tức thời bay lên khoảng không, cao bằng  
7 cây Đa la và báo cáo Phật nói rằng : Thế  
Tôn ! Hai con của Con đã làm việc Phật,  
dùng Thần thông biến hóa, chuyển hóa  
tâm sai trái của Con, giúp cho được yên ở  
trong Pháp Phật, được thấy Thế Tôn.**

此二子者，是我善知識，爲欲發起宿世善根，  
饒益我故，來生我家。爾時雲雷音宿王華智佛，告  
妙莊嚴王言：

**Thử nhị tử giả, thị Ngã thiện Tri thức, vị  
dục phát khởi túc thế thiện Căn, nhiều ích  
Ngã cố, lai sinh Ngã gia. Nhĩ thời Vân Lô**

**Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, cáo Diêu Trang Nghiêm Vương ngôn :**

**Hai con trai đó là Tri thức thiện của Con, vì muốn phát khởi Căn thiện đời trước, vì giúp ích Con, tới sinh vào gia đình Con.**

**Lúc đó Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo Vua Diêu Trang Nghiêm nói rằng :**

如是，如是！如汝所言。若善男子，善女人，種善根故，世世得 善知識。

**Như thị, như thị ! Như Nhữ sở ngôn. Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, chúng thiện Căn cố, thế thế đắc thiện Tri thức.**

**Như thế, đúng như thế ! Như được Ngài nói. Nếu người nam thiện, người nữ thiện do trồng Căn thiện, đời đời được Trí thức thiện.**

其 善知識能 作佛事，示教利喜，令入阿耨多羅三藐三 菩提。

**Kỳ thiện Tri thức năng tác Phật sự, thị giáo lợi hỷ, linh nhập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

**Tri thức thiện đó hay làm việc Phật, tỏ rõ dạy bảo lợi vui, giúp cho nhập vào A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

大王當知！善知識者，是大因緣

。所以化導令得見佛，發阿耨多羅三藐三菩提心。

**Đại Vương đương tri ! Thiện Tri thức giả, thị đại Nhân duyên. Sở dĩ hóa đạo linh đặc kiến Phật, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.**

**Vua lớn nên biết ! Tri thức thiện đó, là Nhân duyên lớn. Sở dĩ cảm hóa dẫn dắt giúp cho được thấy Phật, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

大王！汝見此二子不？

此二子已曾供養六十五百千萬億那由他

恒河沙諸佛。

**Đại Vương ! Nhữ kiến thử nhị tử phủ ? Thử nhị tử dĩ tăng cúng dưỡng lục thập ngũ bách thiên vạn ức Na do tha Hằng hà sa chư Phật.**

**Vua lớn ! Ngài thấy hai con này không ? Hai người con này đã từng cúng dưỡng 65**



**trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha Hằng hà sa các Phật.**

親近恭敬，於諸佛所，受持法華經，愍念邪見眾生，令住正見。

**Thân cận cung kính, ư chư Phật sở, thụ trì Pháp Hoa Kinh, mẫn niệm tà Kiến chúng sinh, linh trụ chính Kiến.**

**Thân thiết cung kính, ở nơi ở của các Phật, nhận giữ Kinh Pháp Hoa, thương nhớ chúng sinh Thấy sai trái, giúp cho dừng ở Thấy đúng.**

妙莊嚴王即從虛空中下，而白佛言：世尊！

如來甚希有，以功德智慧故，頂上肉髻，光明顯照。

**Diệu Trang Nghiêm Vương tức tòng hư không trung hạ, nhi bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Như Lai thậm hi hữu, dĩ Công Đức Trí tuệ cố, đỉnh thượng nhục kế, Quang minh hiển chiếu.**

**Vua Diệu Trang Nghiêm tức thời từ trong không không hạ xuống và báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn ! Như Lai rất hiếm có,**

**do vì công Đức Trí tuệ, búi tóc trên đầu  
Quang sáng hiện rõ chiếu sáng.**

其眼長廣，而紺青色。眉間毫相，  
白如珂月。齒白齊密，常有光明。脣色赤好，  
如頻婆果。

**Kỳ nhân trường quảng, nhi cảm thanh sắc.  
Mi gian hào tướng bạch như kha Nguyệt.  
Xỉ bạch tề mật, thường hữu Quang minh.  
Thần sắc xích hảo, như Tần bà quả.**

**Mắt Phật dài rộng và sắc xanh tía. Tướng  
hào quang giữa mi sáng như Trăng sáng.  
Răng trắng đều khít, thường có Quang  
sáng. Sắc môi đỏ thắm, như quả Tần bà.**

爾時 妙莊嚴王 讚歎佛，  
如是等無量百千萬億功德已，於如來前，一心合掌，  
復白佛言：

**Nhĩ thời Diệu Trang Nghiêm Vương tán  
thán Phật, như thị đẳng bách thiên vạn ức  
công Đức dĩ, ư Như Lai tiền, nhất tâm hợp  
chưởng, phục bạch Phật ngôn：**

**Lúc đó Vua Diệu Trang Nghiêm ca ngợi  
Phật, như thế cùng với vô lượng trăm**

**ngàn vạn trăm triệu công Đức xong, ở trước Như Lai một lòng chấp tay, lại báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！未曾有也。如來之法，具足成就不可思議微妙功德，教誡所行，安穩快善。

**Thế Tôn ! Vị tăng hữu dã. Như Lai chi Pháp cụ túc thành tựu bất khả tư nghị vi diệu công Đức, giáo giới sở hành, an ổn khoái thiện.**

**Thế Tôn ! Chưa từng có như thế. Pháp của Như Lai thành công đầy đủ không thể nghĩ bàn công Đức vi diệu, dạy bảo thực hành, yên ổn vui thiện.**

我從今日，不復自隨心行，不生邪見，憍慢瞋恚，諸惡之心。說是語已，禮佛而出。

**Ngã tòng kim nhật, bất phục tự tùy tâm hành, bất sinh tà Kiến, kiêu mạn, sân khuể chư ác chi tâm. Thuyết thị ngữ dĩ, lễ Phật nhi xuất.**

**Con từ hôm nay không quay lại tự hành động theo tâm, không sinh Thấy sai trái,**

**kiêu mạn, thù giận các tâm ác. Nói xong lời đó, lễ Phật và ra ngoài.**

佛告大眾。於意云何？妙莊嚴王 豈異人乎？  
今華德菩薩是。

**Phật cáo Đại chúng. Ư ý vân hà ? Diệu Trang Nghiêm Vương khải dị nhân hô ? Kim Hoa Đức Bồ Tát thị.**

**Phật bảo Đại chúng. Ý là thế nào ? Vua Diệu Trang Nghiêm là người nào vậy ? Nay là Hoa Đức Bồ Tát.**

其淨德夫人，今佛前光照莊嚴相 菩薩 是，哀愍妙莊嚴王 及諸眷屬故，於彼中生。

**Kỳ Tịnh Đức Phu nhân, kim Phật tiền Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát thị. Ai mẫn Diệu Trang Nghiêm Vương cập chư quyến thuộc cố, ư bỉ trung sinh.**

**Tịnh Đức Phu nhân nay ở trước Phật là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát. Do thương xót Vua Diệu Trang Nghiêm và các quyến thuộc, sinh ở trong đó.**

其二子者，今藥王 菩薩  
藥上菩薩是。是藥王，藥上菩薩，  
成就如此諸大功德。

**Kỳ nhị tử giả, kim Dược Vương Bồ Tát,  
Dược Thượng Bồ Tát thị. Thị Dược Vương,  
Dược Thượng Bồ Tát, thành tựu như thử  
chư đại công Đức.**

**Hai con trai đó nay là Dược Vương Bồ Tát  
và Dược Thượng Bồ Tát. Dược Vương  
Dược Thượng Bồ Tát đó thành công như  
các công Đức lớn này.**

已於無量百千萬億諸佛所，植眾德本，成就  
不可思議 諸善功德。

**Dĩ ư vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật  
sở, thực chúng Đức bản, thành tựu bất khả  
tư nghị chư thiện công Đức.**

**Đã ở nơi ở của vô lượng trăm ngàn vạn  
trăm triệu các Phật, trồng các Đức vốn có,  
thành công không thể nghĩ bàn các công  
Đức thiện.**

若有人識是二 菩薩 名字者，一切世間諸天人民，  
亦應禮拜。

**Nhược hữu nhân thức thị nhị Bồ Tát danh tự giả, nhất thiết Thế gian chư Thiên nhân dân, diệc ưng lễ bái.**

**Nếu có người biết được tên chữ của hai Bồ Tát đó, nhân dân các Trời ở tất cả Thế gian, cũng cần lễ bái.**

佛說是妙莊嚴王本事品時，八萬四千人遠塵離垢，於諸法中得法眼淨。

**Phật thuyết thị Diệu Trang Nghiêm Vương bản sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên nhân viễn trần ly cấu, ư chư Pháp trung, đắc Pháp nhãn tịnh.**

**Lúc Phật nói phẩm Việc trước kia của Vua Diệu Trang Nghiêm, tám vạn bốn nghìn người rời bỏ Phiền não, ở trong các Pháp, được mắt Pháp Thanh tịnh (Pháp Bồ Tát).**

妙法蓮華經普賢菩薩勸發品第二十八

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát phẩm đệ nhị thập bát.**

## **Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 28 Khuyên phát của Phổ Hiền Bồ Tát.**

爾時普賢菩薩，以自在神通力，威德名聞，  
與大菩薩無量無邊不可稱數，從東方來。

**Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát, dĩ Tự tại Thần  
thông lực, uy Đức danh văn, dĩ đại Bồ Tát  
vô lượng vô biên bất khả xưng số, tòng  
Đông phương lai.**

**Lúc đó Phổ Hiền Bồ Tát, dùng lực Thần  
thông Tự do, uy Đức lừng danh, cùng với  
Bồ Tát lớn nhất vô lượng vô biên không  
thể đọc đếm, từ phương Đông tới.**

所經諸國普皆震動，雨寶蓮華，

作無量百千萬億種種伎樂，又與無數諸天龍。

**Sở kinh chư Quốc, phổ giai chấn động, vũ  
bảo Liên hoa, tác vô lượng bách thiên vạn  
ức chủng chủng kĩ nhạc, hựu dĩ vô số chư  
Thiên, Long.**

**Trải qua các Nước, khắp đều chấn động,  
mưa hoa Sen báu, làm ra vô lượng trăm**



**ngàn vạn triệu các loại kĩ nhạc, lại cùng với vô số các Trời, Rồng.**

夜叉乾闥婆,阿修羅迦樓羅 緊那羅 摩睺羅伽,人,非人等大眾圍繞。

**Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, phi Nhân đẳng Đại chúng vi nhiều.**

**Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người không phải Người, Đại chúng vây quanh.**

各現威德神通之力,到娑婆世界耆闍崛

山中,頭面禮釋迦牟尼佛,右繞七匝。白佛言:

**Các hiện uy Đức Thần thông chi lực, đáo Sa Bà Thế giới Kỳ Đô Quạt sơn trung, đầu diện lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, hữu nhiều thất tạp. Bạch Phật ngôn:**

**Đều hiện ra các lực Thần thông uy Đức, đi đến Sa Bà Thế giới trong núi Kỳ Đô Quạt, phục đỉnh lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, vòng phải bảy lượt. Báo cáo Phật nói rằng:**

世尊!我於寶威德上王佛國,遙聞此娑婆世界說法華經,與無量無邊百千萬億諸菩薩眾,

共來聽受,唯願世尊,當為說之。

**Thế Tôn ! Ngã ư Bảo Uy Đức Thượng Vương Phật Quốc, dao văn thử Sa Bà Thế giới thuyết Pháp Hoa Kinh, dĩ vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chư Bồ Tát chúng, cộng lai thỉnh thụ, duy nguyện Thế Tôn, đương vị thuyết chi.**

**Thế Tôn ! Con ở đất nước của Bảo Uy Đức Thượng Vương Phật, từ xa nghe Sa Bà Thế giới này nói Kinh Pháp Hoa, cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn vạn trăm triệu các chúng Bồ Tát, cùng tới nhận nghe, chỉ muốn Thế Tôn, đang vì nói nó.**

若善男子,善女人,於如來滅後,云何能得是法華經?佛告普賢菩薩。

**Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Như Lai diệt hậu, vân hà năng đắc thị Pháp Hoa Kinh ? Phật cáo Phổ Hiền Bồ Tát.**

**Nếu có người nam thiện, người nữ thiện sau khi Như Lai tạ thế, làm thế nào có thể được Kinh Pháp Hoa đó ? Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát.**

若善男子,善女人,成就四法,於如來滅後,  
當得是法華經。

**Nhược thiện nam tử, Thiện nữ nhân, thành  
tự tứ Pháp, ư Như Lai diệt hậu, đương  
đắc thị Pháp Hoa Kinh.**

**Nếu người nam thiện, người nữ thiện  
thành công bốn Pháp, sau khi Như Lai tạ  
thế, đang được Kinh Pháp Hoa đó.**

一者爲諸佛護念。二者植眾德本。三者入正定  
聚。四者發救一切眾生之心。

**Nhất giả vi chư Phật hộ niệm. Nhị giả thực  
chúng Đức bản. Tam giả nhập chính Định  
tụ. Tứ giả phát cứu nhất thiết chúng sinh  
chi tâm.**

**Một là được các Phật nhớ giúp. Hai là  
trước kia trồng các Đức. Ba là nhập vào tụ  
hợp Định đúng. Bốn là phát tâm độ thoát  
tất cả chúng sinh.**

善男子,善女人,如是成就四法,於如來  
滅後必得是經。爾時普賢菩薩白佛言:

**Thiện nam tử, thiện nữ nhân, như thị  
thành tự tứ Pháp, ư Như Lai diệt hậu tất**

**đắc thị Kinh. Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát  
bạch Phật ngôn :**

**Người nam thiện, người nữ thiện thành  
công bốn Pháp như thế, sau khi Như Lai tạ  
thế nhất định được Kinh đó. Lúc đó Phổ  
Hiền Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng :**

世尊！於後五百歲 濁惡世 中，其有受持是經典者，  
我當守護，除其衰患，令得安穩，  
使無伺求得其便者。

**Thế Tôn ! Ư hậu ngũ bách tuế Trọc ác thế  
trung, kỳ hữu thụ trì thị Kinh điển giả, Ngã  
đương thủ hộ, trừ kỳ suy hoạn, linh đắc an  
ổn, sử vô tứ cầu đắc kỳ tiện giả.**

**Thế Tôn ! Sau 500 năm trong đời Đục ác,  
nếu người có nhận giữ Kinh điển đó, Con  
đang giúp bảo vệ, trừ bỏ suy hoạn của họ,  
giúp cho họ được yên ổn, khiến cho việc  
rình mò không thể thực hiện được.**

若魔,若魔子,若魔女,若魔民,若爲魔所著者,若 夜叉  
,若 羅刹 ,若鳩槃荼。

**Nhược Ma, nhược Ma tử, nhược Ma nữ,  
nhược Ma dân, nhược vi Ma sở trước giả,**

**nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Cưu Bàn Đô.**

**Là Ma, hoặc nam Ma, hoặc nữ Ma, hoặc Ma dân, hoặc là Ma nương nhờ, là Dạ Xoa, là La Sát, là Cưu Bàn Đô.**

若毘舍闍,若吉遮,若富單那,若韋陀羅等諸惱人者,皆不得便。是人若行,若立,讀誦此經。

**Nhược Tì Xá Xà, nhược Cát Giá, nhược Phú Đan Na, nhược Vi Đà La đẳng chư não loạn nhân giả, giai bất đắc tiện. Thị nhân nhược hành, nhược lập, độc tụng thử Kinh. Là Tì Xá Xà, hoặc Cát Giá, hoặc Phú Đan Na, hoặc Vi Đà La cùng với các người não loạn đó, đều không thực hiện được. Người đó hoặc đi, hoặc đứng, đọc tụng Kinh này.**

我爾時乘六牙白象王,與大菩薩眾,俱詣其所,而自現身,供養守護,安慰其心,亦為供養法華經故。

**Ngã nhĩ thời thừa lục nha bạch Tượng vương, dĩ đại Bồ Tát chúng, câu nghệ kỳ sở, nhi tự hiện thân, cúng dưỡng thủ hộ, an ủy kỳ tâm, diệc vị cúng dưỡng Pháp**

## Hoa Kinh cổ.

Lúc đó Con ngồi trên vua Voi trắng sáu ngà, với các Bồ Tát lớn nhất, đều tới nơi ở của người đó, mà tự hiện thân, cúng dường giúp bảo vệ, an ủi tâm họ, cũng do vì cúng dường Kinh Pháp Hoa.

是人若坐,思惟此經,爾時我復乘白象王,現其人前。

Thị nhân nhược tọa, tư duy thủ Kinh, nhĩ thời Ngã phục thừa bạch Tượng vương, hiện kỳ nhân tiền.

Người đó nếu nằm suy nghĩ Kinh này, lúc đó Con lại cũng ngồi trên vua Voi trắng, hiện ra trước người đó.

其人若於法華經,有所忘失一句一偈,我當教之,與共讀誦,還令通利。

Kỳ nhân nhược ư Pháp Hoa Kinh, hữu sở vong thất nhất cú nhất kệ, Ngã đương giáo chi, dĩ cộng độc tụng, hoàn linh thông lợi. Người đó nếu với Kinh Pháp Hoa, có quên mất một câu một kệ, Con đang dạy học,

**cùng nhau đọc tụng, giúp hoàn lại cho  
thông lợi.**

爾時受持讀誦 法華經 者，得見我身，甚大歡喜，  
轉復精進。

**Nhĩ thời thụ trì đọc tụng Pháp Hoa Kinh  
giả, đắc kiến Ngã thân, thậm đại hoan hỉ,  
chuyển phục Tinh tiến.**

**Lúc đó người nhận giữ đọc tụng Kinh  
Pháp hoa, được thấy thân Con, rất vui  
mừng lớn, lại chuyển đổi Tinh tiến.**

以見我故，即得 三昧 及 陀羅尼，  
名爲旋陀羅尼，百千萬億旋陀羅尼法音 方便陀羅尼，  
得如是等陀羅尼。

**Dĩ kiến Ngã cố, tức đắc Tam muội cập Đà  
La Ni, danh vi Toàn Đà La Ni, bách thiên  
vạn ức Toàn Đà La Ni, Pháp âm Phương  
tiện Đà La Ni, đắc như thị đẳng Đà La Ni.  
Do vì thấy Con, tức thời được Tam muội  
và Đà La Ni, tên là Toàn Đà La Ni, trăm  
nghìn vạn trăm triệu Toàn Đà La Ni (hoàn  
toàn trở lại với tâm Thanh tịnh ban đầu,  
chuyển từ người Phàm sang Thánh), Pháp**



**âm Phương tiện Đà La Ni (dùng Rõng giả làm Phương tiện, nhập vào trong Đạo, Tự do nói Pháp), được như thế cùng với Đà La Ni.**

世尊！若後世後五百歲 濁惡世 中，比丘 比丘尼 優婆塞 優婆夷，求索者，受持者。

**Thế Tôn ! Nhược hậu thế hậu ngũ bách tuế Trục ác thế trung, Tì kheo, Tì kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, cầu sách giả, thụ trì giả.**

**Thế Tôn ! Nếu Đời sau, sau 500 năm trong đời Đục ác, nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, người cầu Pháp, người nhận giữ.**

讀誦者，書寫者，欲修習是法華經，於三七日中，應一心精進，滿三七日已，我當乘六牙白象。

**Độc tụng giả, thư tả giả, dục tu tập thị Pháp Hoa Kinh, ư tam thất nhật trung, ứng nhất tâm Tinh tiến, mãn tam thất nhật dĩ, Ngã đương thừa lục nha bạch Tượng.**

**Người đọc tụng, người viết chép, muốn tu luyện Kinh Pháp Hoa đó, trong vòng 21**

**ngày, cần nhất tâm Tinh tiến, sau đủ 21 ngày, Con đang ngồi trên Voi trắng sáu ngà.**

與無量菩薩而自圍繞，以一切眾生所喜見身，現其人前，而為說法，示教利喜，亦復與其陀羅尼咒。

**Dữ vô lượng Bồ Tát nhi tự vi nhiều, dĩ nhất thiết chúng sinh sở hỉ kiến thân, hiện kỳ nhân tiền, nhi vị thuyết Pháp, thị giáo lợi hỉ, diệc phục dữ kỳ Đà La Ni Chú.**

**Cùng với vô lượng Bồ Tát và tự vòng quanh, dùng thân mà tất các chúng sinh ưa nhìn, hiện ra trước người đó, mà vì nói Pháp, tỏ rõ dạy bảo lợi vui, cũng lại ban cho chú Đà La Ni đó.**

得是陀羅尼故，無有非人能破壞者，亦不為女人之所惑亂。我身亦自常護是人。

**Đắc thị Đà La Ni cố, vô hữu phi nhân năng phá hoại giả, diệc bất vi nữ nhân chi sở hoặc loạn. Ngã thân diệc tự thường hộ thị nhân.**

**Do được Đà La Ni đó, không bị không phải**

người có thể tới phá hoại, cũng không bị người nữ làm nghi hoặc não loạn. Thân Con cũng tự thường giúp đỡ người đó.

唯願世尊，聽我說此陀羅尼咒。即於佛前，而說咒曰：

Duy nguyện Thế Tôn, thỉnh Ngã thuyết thử Đà La Ni Chú. Tức ư Phật tiền, nhi thuyết Chú viết :

Chỉ muốn Thế Tôn, nghe Con nói Chú Đà La Ni này. Tức thời ở trước Phật mà đọc Chú nói rằng :

阿檀地。檀陀

婆地。檀陀婆帝。檀陀鳩舍隸。檀陀修陀隸。修陀隸。

A đàn địa. Đàn đà bà địa. Đàn đà bà đế.

Đàn đà cư xá lệ. Đàn đà tu đà lệ. Tu đà lệ.

修陀羅婆底。佛馱波羶禰。薩婆陀羅尼

阿婆多尼。薩婆婆沙阿婆多尼。

Tu đà la bà đế. Phật đà ba thiên nễ. Tát bà

Đà La Ni a bà đa ni. Tát bà bà sa a bà đa ni.

修阿婆多尼。僧伽婆履叉尼。僧伽涅槃陀尼。  
阿僧祇。僧伽波伽地。

**Tu a bà đa ni. Tăng già bà lý xoa ni. Tăng  
già niết già đà ni. A tăng kỳ. Tăng già bà  
già địa.**

帝隸阿惰僧伽兜略阿羅帝婆羅帝。薩婆僧伽 三摩地  
伽蘭地。

**Đế lệ a đọa, tăng già đầu lược, a la đế ba  
la đế. Tát bà tăng già địa, tam ma địa, già  
lan địa.**

薩婆達磨修波利刹帝。薩婆 薩埵  
樓駄憍舍略阿[少/兔]伽地。

**Tát bà đạt ma tu ba li sát đế. Tát bà tát  
đỏa, lâu đà kiêu xá lược, a nậu già địa.  
辛阿毘吉利地帝。**

**Tân a tì cát li địa đế.**

世尊！若有菩薩得聞是陀羅尼者，  
當知普賢神通之力。

**Thế Tôn ! Nhược hữu Bồ Tát đắc văn thi  
Đà La Ni giả, đương tri Phổ Hiền Thần  
thông chi lực.**

**Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát được nghe Đà La**

**Ni đó, nên biết là lực Thần thông của Phổ Hiền.**

若法華經行闍浮提，有受持者，  
應作此念。皆是普賢威神之力。

**Nhược Pháp Hoa Kinh hành Diêm Phù Đê,  
hữu thụ trì giả, ứng tác thị niệm. Giai thị  
Phổ Hiền uy Thần chi lực.**

**Nếu Kinh Pháp Hoa thực hành ở Diêm Phù  
Đê (Sa Bà Thế giới), có người nhận giữ,  
cần làm suy ngẫm đó. Đều là lực uy Thần  
của Phổ Hiền.**

若有受持，讀誦，正憶念，解其義趣，如說修行。當知是  
人行普賢行，

**Nhược hữu thụ trì, độc tụng, chính ức  
niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu  
hành. Đương tri thị nhân hành Phổ Hiền  
hạnh.**

**Nếu có nhận giữ, đọc tụng, ghi nhớ đúng,  
hiểu ý nghĩa của nó, như nói tu hành. Nên  
biết người đó thực hành hạnh Phổ Hiền.**

於無量無邊諸佛所，深種善根，為諸如來手摩其頭。

**Ư vô lượng vô biên chư Phật sở, thâm**

**chúng thiện Căn, vì chư Như Lai thủ ma kỳ đầu.**

**Tại nơi ở của vô lượng vô biên các Phật, trông Căn thiện thâm sâu, là trợ thủ hàng đầu của Như Lai.**

若但書寫, 是人命終, 當生 忉利天 上,  
是時八萬四千天女, 作眾伎樂而來迎之。

**Nhược dẫn thư tả, thị nhân mệnh chung, đương sinh Đao Lợi Thiên thượng, thị thời bát vạn tứ thiên Thiên nữ, tác chúng kĩ nhạc nhi lai nghênh chi.**

**Nếu chỉ viết chép, người đó bỏ mệnh, đang sinh lên trên Trời Đao Lợi, khi đó tám vạn bốn nghìn nữ Trời, làm các âm nhạc mà tới nghênh đón.**

其人即著 七寶 冠, 於娑女中娛樂快樂,  
何況受持, 讀誦, 正憶念, 解其義趣, 如說修行。

**Kỳ nhân tức trước thất bảo quán, ư thái nữ trung ngu lạc khoái lạc, hà huống thụ trì, độc tụng, chính ức niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu hành.**

**Người đó tức thời đội mũ bảy báu, cùng**

với các cung nữ nô đùa vui vẻ, hưởng hồ nhận giữ, đọc tụng, ghi nhớ đúng, hiểu hướng nghĩa của nó, như nói tu hành.

若有人受持,讀誦,解其義趣,是人命終,爲千佛授手,令不恐怖,不墮惡趣,即往兜率天上彌勒菩薩所。

Nhược hữu nhân thụ trì, đọc tụng, giải kỳ nghĩa thú, thị nhân mệnh chung, vi thiên Phật thụ thủ, linh bất khủng bố, bất đoạ ác thú, tức vãng Đâu Suất Thiên thượng Di Lặc Bồ Tát sở.

Nếu có người nhận giữ, đọc tụng, hiểu hướng nghĩa của nó, người đó bỏ mệnh, được nghìn Phật bắt tay, giúp cho không sợ hãi, không đoạ Đạo ác, tức thời vãng sinh lên trên Trời Đâu Suất nơi ở của Di Lặc Bồ Tát.

彌勒菩薩有三十二相,大菩薩眾所共圍繞,有百千萬億天女眷屬而於中生。

Di Lặc Bồ Tát hữu tam thập nhị tướng, đại Bồ Tát chúng sở cộng vi nhiều, hữu bách thiên vạn ức Thiên nữ quyến thuộc nhi ư



trung sinh.

**Di Lạc Bồ Tát có ba mươi hai tướng, các Bồ Tát lớn nhất cùng nhau vây quanh, có trăm nghìn vạn trăm triệu nữ Trời quyến thuộc mà sinh ở trong đó.**

有如是等 功德 利益, 是故智者, 應當一心自書, 若使人書, 受持, 讀誦, 正憶念, 如說修行。

**Hữu như thị đẳng công Đức lợi ích, thị cố Trí giả, ứng đương nhất tâm tự thư, nhược sử nhân thư, thụ trì, độc tụng, chính ức niệm, như thuyết tu hành.**

**Như thế cùng với lợi ích công Đức, vì thế người có Trí tuệ, cần phải nhất tâm tự viết, hoặc sai người viết, nhận giữ, đọc tụng, ghi nhớ đúng, như nói tu hành.**

世尊！我今以 神通力 故, 守護是經。於 如來 滅後, 閻浮提 內, 廣令流布, 使不斷絕。

**Thế tôn ! Ngã kim dĩ Thần thông lực cố, thủ hộ thị Kinh. Ư Như Lai diệt hậu, Diêm Phù Đề nội, quảng linh lưu bố, sử bất đoạn tuyệt.**

**Thế Tôn ! Con nay dùng lực Thần thông,**

**giúp bảo vệ Kinh đó. Sau khi Như Lai tạ thế, ở trong Diêm Phù Đề, rộng giúp lưu truyền phát tán, khiến cho không bị đoạn tuyệt.**

爾時 釋迦牟尼佛 讚言：善哉，善哉！普賢！

汝能護助是經，令多所眾生，安樂利益。

**Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật tán ngôn :  
Thiện tai, thiện tai ! Phổ Hiền ! Nhữ năng  
hộ trợ thị Kinh, linh đa sở chúng sinh, an  
lạc lợi ích.**

**Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật khen ngợi  
nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Phổ  
Hiền ! Ngài hay trợ giúp Kinh đó, giúp cho  
nhiều chúng sinh, yên vui lợi ích.**

汝已成就 不可思議功德，深大慈悲，從久遠來，  
發阿耨多羅三藐三 菩提意，而能作是神通之願，  
守護是經。

**Nhữ dĩ thành tựu bất khả tư nghị Công  
Đức, thâm Đại Từ Bi, tòng cứu viễn lai,  
phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ý,  
nhĩ năng tác thị Thân thông chi nguyện,  
thủ hộ thị Kinh.**

**Ngài đã thành đạt công Đức không thể nghĩ bàn, Đại Từ Bi thâm sâu, từ xưa tới nay, phát ý A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, mà hay dùng nguyện Thần thông đó, giúp bảo vệ Kinh đó.**

我當以神通力，守護能受持普賢菩薩名者。普賢！若有受持，讀誦，正憶念。

**Ngã đương dĩ Thần thông lực, thủ hộ năng thụ trì Phổ Hiền Bồ Tát danh giả. Phổ Hiền ! Nhược hữu thụ trì, độc tụng, chính ức niệm.**

**Ta đang dùng lực Thần thông, giúp bảo vệ người hay nhận giữ tên của Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền ! Nếu có nhận giữ, đọc tụng, ghi nhớ đúng.**

修習書寫是法華經者，當知是人，則見釋迦牟尼佛，如從佛口聞此經典。

**Tu tập thư tả thị Pháp Hoa Kinh giả, đương tri thị nhân, tắc kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, như tòng Phật khẩu văn thử Kinh điển.**

**Người tu luyện viết chép Kinh Pháp Hoa**

**đó, nên biết người đó, chắc là thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, như từ chính miệng Phật nghe Kinh điển này.**

當知是人供養 釋迦牟尼佛 。當知是人，佛讚善哉！  
當知是人，爲釋迦牟尼佛手摩其頭。

**Đương tri thị nhân cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương tri thị nhân, Phật tán thiện tai ! Đương tri thị nhân, vi Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ma kỳ đầu.**

**Nên biết người đó cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Nên biết người đó, Phật khen thiện thay ! Nên biết người đó, là trợ thủ hàng đầu của Thích Ca Mâu Ni Phật.**

當知是人，爲 釋迦牟尼佛 衣之所覆。如是之人，  
不復貪著世樂，不好外道經書手筆。

**Đương tri thị nhân, vi Thích Ca Mâu Ni Phật y chi sở phục. Như thị chi nhân bất phục tham trước thế lạc, bất hiếu ngoại đạo Kinh thư thủ bút.**

**Nên biết người đó, được áo của Thích Ca Mâu Ni Phật che cho. Người như thế không trở lại tham nường nhờ vui thú của Thế**

**gian, không thích văn chương Kinh sách ngoài Đạo.**

亦復不喜親近其人, 及諸惡者 :

若屠兒, 若畜豬羊雞狗, 若獵師, 若街賣女色。

**Diệc phục bất hỷ thân cận kỳ nhân cập chư ác giả. Nhược đồ nhi, nhược súc trư dương kê cầu, nhược lập sư, nhược huyễn mại nữ sắc.**

**Cũng lại không vui chơi thân thiết với người đó và các người ác. Như nuôi dưỡng giết mổ, nuôi dưỡng lợn dê gà chó, thầy dạy săn bắn, mua bán thân sắc phụ nữ.**

是人心意質直, 有正憶念,

有福德力。是人不爲三毒所惱,

亦復不爲嫉妒, 我慢, 邪慢增上慢 所惱。

**Thị nhân tâm ý chất trực, hữu chính ức niệm, hữu Phúc Đức lực. Thị nhân bất vi tam Độc sở nã, diệc bất vi tật đố, Ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn sở nã.**

**Người đó tâm ý chất trực, có ghi nhớ đúng, có lực Phúc Đức. Người đó không bị ba Độc Tham thù hận ngu si nã loạn,**

**cũng không bị đổ kị, tự kiêu mạn, mạn sai trái, mạn tăng cao làm não loạn.**

是人少欲知足，能修普賢之行。普賢！若如來滅後，後五百歲。

**Thị nhân thiếu dục tri túc, năng tu Phổ Hiền chi hạnh. Phổ Hiền ! Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế.**

**Người đó biết đủ ít tham muốn, hay tu hành hạnh Phổ Hiền. Phổ Hiền ! Nếu sau khi Như Lai tạ thế, sau 500 năm.**

若有人見受持讀誦法華經者，應作是念。此人不久當詣道場，破諸魔眾，得阿耨多羅三藐三菩提。

**Nhược hữu nhân kiến thụ trì độc tụng Pháp Hoa Kinh giả, ưng tác thị niệm. Thử nhân bất cứu đương nghệ Đạo tràng, phá chư Ma chúng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

**Nếu có người thấy người nhận giữ, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, cần làm suy ngẫm đó. Người này không lâu đang tới Đạo**

**tràng, phá các chúng Ma, được A Nậu Đa  
La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

轉法輪, 擊法鼓 吹法螺, 雨法雨,  
當坐天人大眾中師子法座上。

**Chuyển Pháp luân, kích Pháp cổ, xuy  
Pháp loa, vù Pháp vũ, dương tọa Thiên  
nhân Đại chúng trung Sư Tử Pháp tòa  
thượng.**

**Chuyển vàng Pháp, đánh trống Pháp, thổi  
loa Pháp, tưới mưa Pháp, đang ngồi trên  
tòa Pháp Sư Tử trong Đại chúng người  
Trời.**

普賢！若於後世，受持讀誦是經典者，  
是人不復貪著衣服，臥具，飲食，資生之物。

**Phổ Hiền ! Nhược ư hậu thế, thụ trì độc  
 tụng thị Kinh điển giả, thị nhân bất phục  
 tham trước y phục, ngọa cụ, ẩm thực, tư  
 sinh chi vật.**

**Phổ Hiền ! Nếu ở đời sau có người nhận  
 giữ đọc tụng Kinh điển đó, người đó  
 không trở lại tham nương nhờ quần áo, đồ  
 nằm, ăn uống, vật dụng tư trang.**



所願不虛，亦於現世得其福報。若有人輕毀之言：汝狂人耳，空作是行，終無所獲。

**Sở nguyện bất hư, diệc ư hiện thế đắc kỳ Phúc báo. Nhược hữu nhân khinh hủy chi ngôn : Nhữ cuồng nhân nhĩ, không tác thị hành, chung vô sở hoạch.**

**Nguyện vọng không giả, cũng được Phúc báo ở đời Hiện tại. Nếu có người khinh thường hủy báng nói rằng : Người là người cuồng vậy, làm những việc vô ích, cuối cùng không thu được gì cả.**

如是罪報，當世世無眼。若有供養讚歎之者，當於今世得現果報。

**Như thị tội báo, đương thế thế vô nhãn. Nhược hữu cúng dưỡng tán thán chi giả, đương ư kim thế đắc hiện quả báo.**

**Tội báo như thế, đang đời đời không có mắt. Nếu có người cúng dưỡng ca ngợi, đang được quả báo ở trong đời Hiện tại.**

若復見受持是經者，出其過惡，若實，若不實，此人現世得白癩病。

**Nhược phục kiến thụ trì thị Kinh điển giả,**

xuất kỳ quá ác, nhược thực, nhược bất thực, thử nhân hiện thể đắc bạch lại bệnh. Nếu lại thấy người nhận giữ Kinh điển đó, ra ngoài tội ác của họ, là thực, hoặc không thực, người này hiện tại có bệnh hói đầu.

若有輕笑之者,當世世牙齒踈缺,醜脣平鼻,手腳繚戾,眼目角眦,身體臭穢,惡瘡膿血,水腹短氣,諸惡重病。

Nhược khinh tiểu chi giả, dương thể thể nha xỉ tốc khuyết, xú thân bình tị, thử cước liễu liệt, nhân mục giác lai, thân thể xú ế, ác sang nùng huyết, thủy phúc đoản khí, chư ác trọng bệnh.

Nếu người cười khinh, đang đời đời răng thưa khuyết, môi xấu, mũi tẹt, chân tay cong queo mềm yếu, mắt lác, thân thể hôi bẩn, nhọt độc máu mủ, bụng chướng, huyệt hơi, các bệnh nặng ác.

是故 普賢！若見受持是經典者,當起遠迎,當如敬佛。

Thị cố Phổ Hiền ! Nhược kiến thụ trì thị Kinh điển giả, dương khởi viễn nghênh, đương như kính Phật.

**Vì thế Phổ Hiền ! Nếu thấy có người nhận giữ Kinh điển đó, nên đứng lên nghênh đón từ xa, đàng như kính Phật.**

說是普賢勸發品時，恒河沙等無量無邊菩薩，得百千萬億旋陀羅尼。

**Thuyết thị Phổ Hiền khuyến phát phẩm thời, Hằng hà sa đẵng vô lượng vô biên Bồ Tát, đắc bách thiên vạn ức Toàn Đà La Ni. Lúc nói phẩm Khuyên phát của Phổ Hiền đó, Hằng hà sa vô lượng vô biên Bồ Tát, được trăm nghìn vạn trăm triệu Toàn Đà La Ni.**

三千大千世界微塵等諸菩薩，具普賢道。

**Tam thiên Đại thiên Thế giới vi trần đẵng chư Bồ Tát, cụ Phổ Hiền Đạo.**

**Các Bồ Tát bằng số bụi trần của Ba nghìn Đại thiên Thế giới, đầy đủ Đạo Phổ Hiền.**

佛說是經時，普賢等諸菩薩，舍利弗等諸聲聞，及諸天，龍，人，非人等。

**Phật thuyết thị Kinh thời, Phổ Hiền đẵng chư Bồ Tát, Xá Lợi Phất đẵng chư Thanh Văn, cập chư Thiên, Long, Nhân, phi Nhân**

**đăng.**

**Lúc Phật nói Kinh đó, Phổ Hiền cùng với các Bồ Tát, Xá Lợi Phất và các Thanh Văn cùng với các Trời, Rồng, Người, không phải Người.**

一切大會，皆大歡喜，受持佛語，作禮而去。

**Nhất thiết đại hội, giai đại hoan hỉ, thụ trì Phật ngữ, tác lễ nhi khứ.**

**Tất cả Hội lớn, đều rất vui mừng, nhận giữ lời Phật, làm lễ và đi.**

妙法蓮華經卷第七。

**Diệu Pháp Liên Kinh quyển đệ thất.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ 7**

南無普賢菩薩。

**Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.**

**Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.**

妙音 觀音，救苦尋聲。淨藏，淨眼轉邪心。

**Diệu Âm, Quan Âm, cứu khổ tìm thanh.**

**Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chuyển tà tâm.**

**Diệu Âm Quan Âm, tìm thanh cứu khổ.**

**Tịnh Tạng Tịnh Nhãn chuyển tâm sai.**

Liên Hoa Kinh

普賢行願深。四法常欽。萬古永爲箴。

**Phổ Hiền hạnh nguyện thâm. Tứ Pháp  
thường khâm. Vạn cổ vĩnh vi châm.**

**Hạnh nguyện Phổ Hiền sâu. Thường khâm  
phục bốn Pháp. Là lời răn đời đời.**

完經讚。

**Hoàn Kinh tán.**

**Bài ca hoàn thành Kinh.**

妙法普行。成始成終。宏經全藉 總持  
功。邪外遠承風。

**Diệu Pháp phổ hành. Thành thủy thành  
chung. Hoằng Kinh toàn tịch Tổng trì  
công. Tà ngoại viễn thừa phong.**

**Rộng hành Diệu Pháp. Thành đầu thành  
đuôi. Giữ nhớ hết Kinh công cực lớn. Tà  
ma ngoài Đạo bay theo gió.**

常道流通。萬類盡圓融。

**Thường Đạo lưu thông. Vạn loại tận viên  
dung.**

**Đạo thường lưu thông. Hòa hợp thỏa mãn  
hết muôn loài.**

南無普賢王菩薩摩訶薩。

Liên Hoa Kinh

**Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha  
Tát.**

**Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Bồ Tát  
lớn.**

**TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION**

**<http://www.daitangvietnam.com>**

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn  
Hiển Trần Tiến Huyền phiên âm & lược  
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt  
10/2008 (4/2010 -2013).**

=====

=====